

CAG

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG AN GIANG



2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, Tổ 15, Khóm Đông Thịnh B, P. Mỹ Thạnh, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Website: www.angiangport.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC

01

TỔNG QUAN CÔNG TY

00

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG
NĂM 2020

00

03

BÁO CÁO
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

00

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

00

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

00

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN
NĂM 2020

00

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN CÔNG TY

- » THÔNG TIN CHUNG
- » NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- » QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- » CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU
- » MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC
- » ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- » CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU
- » CÁC YẾU TỐ RỦI RO



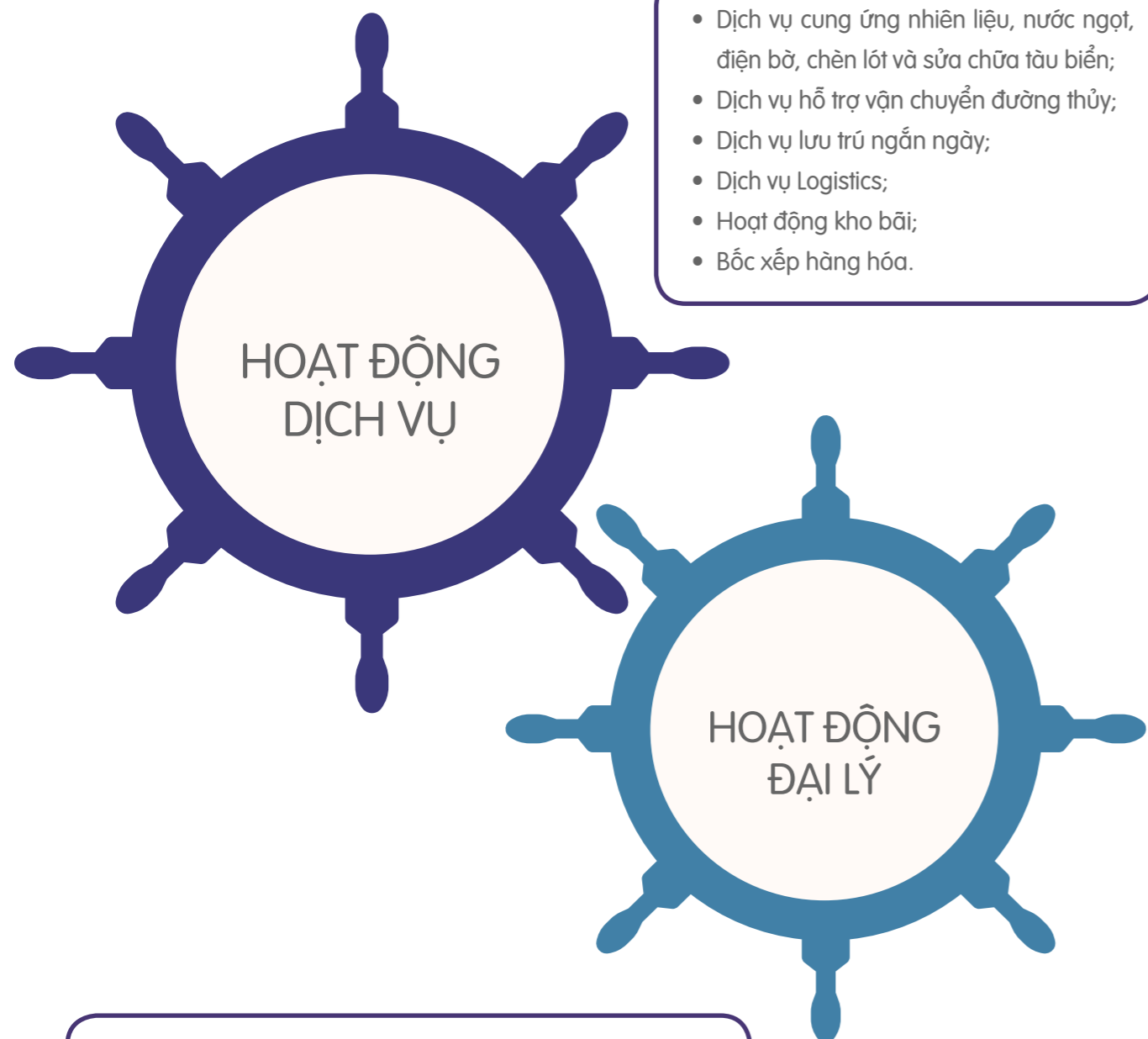
THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG	Điện thoại	(0296) 3831 401
Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG	Fax	(0296) 3831 129
Tên Tiếng Anh	AN GIANG PORT JOINT STOCK COMPANY	Email	cangmythoi@gmail.com
Mã cổ phiếu	CAG	Website	www.angiangport.com.vn
Vốn điều lệ	138.000.000.000 đồng	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 1600125108 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 11 tháng 01 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp
Trụ sở chính	Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, Phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam		



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Cảng Mỹ Thới An Giang là một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh An Giang được thành lập theo Quyết định số 615/QĐ.UB.TC ngày 31/12/1992 của UBND tỉnh An Giang với vốn điều lệ ban đầu là 4.265.000.000 đồng.

Thực hiện quyết định số 230/QĐ-TTg ngày 26/02/2008 của Thủ Tướng Chính phủ về việc đổi mới công ty Nhà nước thuộc UBND tỉnh An Giang, chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cảng An Giang kể từ ngày 01/04/2011 với vốn điều lệ là 138 tỷ đồng, trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nắm giữ 52,98% vốn điều lệ.

Ngày 22/12/2015: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang chính thức chuyển giao vốn Nhà nước nắm giữ tại CTCP Cảng An Giang về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

Công ty thông qua việc thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/11/2016.

Tiền thân

2011

2015

2016

2017

2018

2019

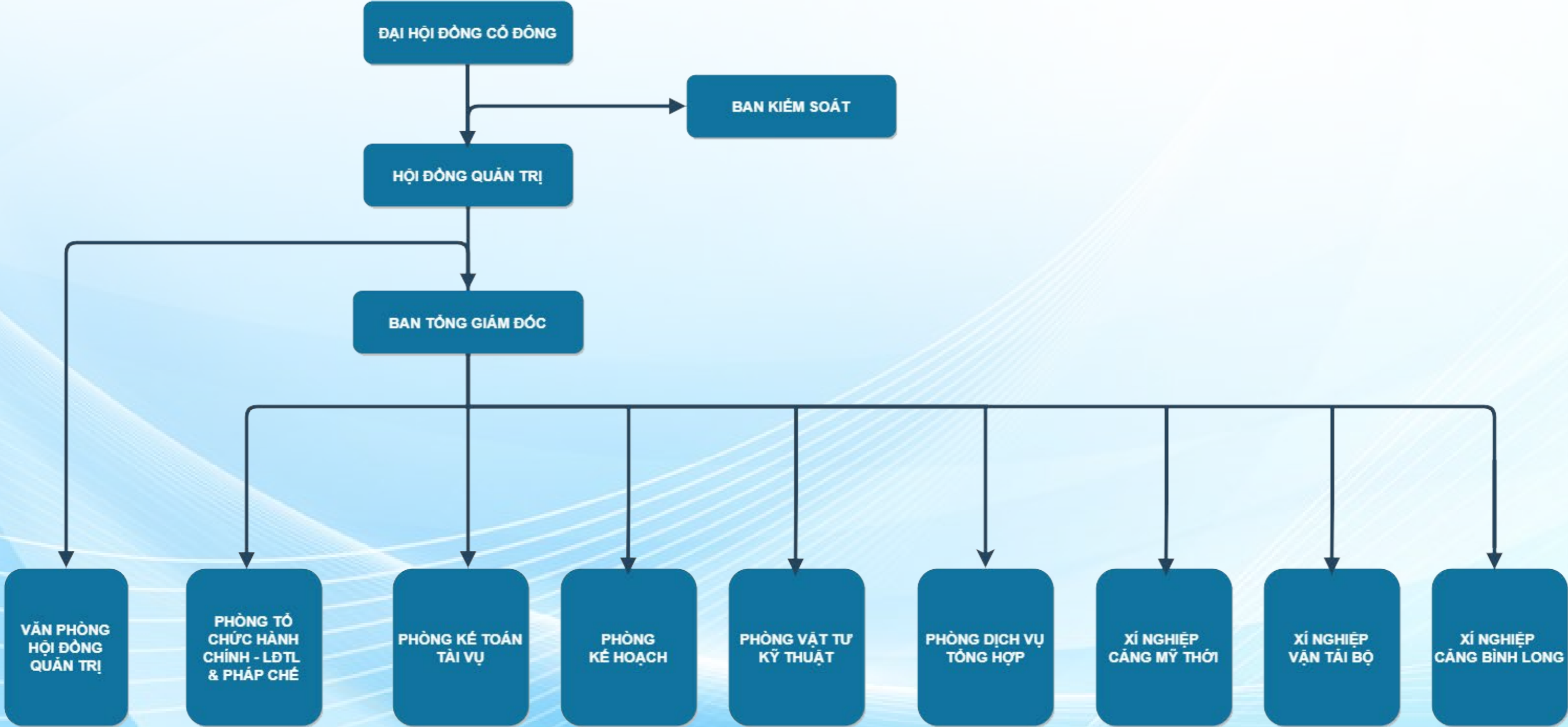
2020

Ngày 04/12/2017, ngày giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với tổng số cổ phiếu niêm yết thành công là 138.000.000 cổ phiếu với giá tham chiếu là 11.000 đồng/ cổ phiếu.

Thị giá CAG đã tạo ra một chuỗi tăng giá và đạt đỉnh ở mức 118.776 đồng vào 28/05/2018.

Nhận bằng khen về Thành tích thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2019 do BHXH Việt Nam trao tặng.

➤ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC ◀



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Về hoạt động



Cảng An Giang định hướng phát triển trở thành một doanh nghiệp uy tín, chất lượng trong khu vực và duy trì sự phát triển ổn định hiện có, đảm bảo tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận hàng năm, tăng cường mở rộng và hợp tác với đối tác, chủ hàng, các đơn vị logistics, nhà đầu tư để tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh, tận dụng, khai thác cơ sở hạ tầng hiện có và chú trọng vào mảng sản xuất, kinh doanh dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.



Công ty tăng cường đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới vào đầu tư, sản xuất đặc biệt là công nghệ thông tin nhằm cải tiến chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu khách hàng.



Công ty chú trọng trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, hướng đến việc khẳng định thương hiệu, uy tín của công ty, lấy khách hàng là trọng tâm trong mọi hoạt động phát triển.

Về nhân sự



Nguồn nhân lực của Công ty đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển, vì vậy công ty thường xuyên xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng, phát triển theo chiều sâu nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường phục vụ cho chiến lược kinh doanh của công ty. Đồng thời công ty thường xuyên thay đổi, đổi mới chính sách lương thưởng, phúc lợi nhằm thu hút, giữ chân người tài và tạo mối quan hệ thân thiết, gắn bó giữa công ty và nhân viên.



Công ty xây dựng quy trình hệ thống đào tạo, cơ chế quản lý bài bản hơn theo hướng chuyên nghiệp hóa nhằm tiếp thu các kiến thức mới, nâng cao năng lực của ban quản trị Công ty; tận dụng và khai thác năng lực tiềm năng của CBCNV để phát huy tính sáng tạo, đóng góp ý kiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Công ty. Đồng thời, Công ty quan tâm đến đời của CBCNV để tạo sự gắn bó của CBCNV với Công ty.



Xây dựng hệ thống, cơ chế quản lý bài bản hơn, tìm tòi, tiếp thu các kiến thức mới, nâng cao năng lực của ban quản trị Công ty. Từ đó đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển bền vững của Công ty.



Ngoài ra, Công ty luôn tập trung nâng cao năng lực của đội ngũ điều hành, giải quyết nhanh chóng các thủ tục cho các chủ hàng, chủ tàu, tránh việc nhân viên Công ty gây khó khăn, vôi vĩnh chủ hàng, từ đó mới có thể nâng cao giá trị thương hiệu và chất lượng dịch vụ của Công ty.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Công ty tiếp tục hoàn thành kế hoạch đầu tư mở rộng tại hai cụm cảng của Công ty là Cảng Mỹ Thới và Cảng Bình Long nhằm phát huy vị thế công ty tại khu vực An Giang và Đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời công ty triển khai phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng, hệ thống dịch vụ Logistics vận tải container để trở thành cảng trung tâm đầu mối cho Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung.



Tiếp tục giữ vững hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và đa dạng hóa, phát triển ngành nghề kinh doanh để mở rộng thêm thị phần, đem đến cho khách hàng nhiều sự lựa chọn trong sản phẩm dịch vụ mà Cảng cung cấp.



Công ty không những khai thác và tìm kiếm các đối tác tiềm năng ở khu vực phía Nam mà còn ở các tỉnh phía Bắc, đặc biệt là các công ty chuyên về lĩnh vực hàng hải và vận tải biển. Ngoài ra, công ty liên kết với các đối tác, đầu mối quốc tế, đặc biệt là các nước ở vùng biên giới giáp ranh với tỉnh An Giang để mở rộng mạng lưới khách ở các quốc gia lân cận mà cụ thể là Cambodia và hiện thực hóa công tác triển khai tuyến vận chuyển container Phnôm Pênh - Mỹ Thới - TP.HCM.



Công ty tăng cường hợp tác và giữ vững mối quan hệ với các Công ty xuất khẩu gạo theo hợp đồng thương mại sang các thị trường như Malaysia, Philippines, Hàn Quốc, Timo đưa tàu từ 4.000 — 6.000 tấn đến cảng xếp dỡ.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

- Huân chương lao động Hạng 3 cho thành tích giai đoạn 1998 — 2002;
- Huân chương lao động Hạng 2 cho thành tích giai đoạn 2005 — 2009;
- Huân chương lao động Hạng 2 cho thành tích giai đoạn 2011 — 2015;
- Tập thể lao động xuất sắc 5 năm liền (2005-2009);
- Bằng khen về thành tích đóng góp trong chương trình nhà ở Mái ấm công đoàn giai đoạn 2007 - 2015 do UBND tỉnh An Giang trao tặng;
- Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc do UBND tỉnh An Giang trao tặng giai đoạn 2011 - 2012, 2013 — 2014;
- Bằng khen về thành tích xuất sắc trong việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” do UBND tỉnh An Giang trao tặng năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016;
- Bằng khen về thành tích xuất sắc trong việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2018 do Đảng Ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh trao tặng;
- Bằng khen thành tích đóng góp quỹ khuyến học năm 2012 do UBND tỉnh An Giang trao tặng;
- Bằng khen chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế năm 2012, 2013, 2015 do Bộ trưởng Bộ Tài chính trao tặng;
- Bằng khen trong phong trào “Văn hóa - thể dục, thể thao” năm 2013 do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam trao tặng;
- Cờ thi đua về thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đầu khối thi đua do UBND tỉnh An Giang trao tặng năm 2005, 2008, 2009, 2013, 2015;
- Cờ thi đua trong phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” năm 2014 do Liên đoàn lao động tỉnh An Giang trao tặng;
- Bằng khen về thành tích thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT giai đoạn 2018 - 2019 do BHXH Việt Nam trao tặng;
- Bằng khen tổ chức, thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở do UBND tỉnh An Giang trao tặng năm 2014;
- Bằng khen có nhiều đóng góp trong công tác xã hội từ thiện tại tỉnh An Giang do UBND tỉnh An Giang trao tặng năm 2014;
- Bằng khen về thành tích “Đã thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế, đóng góp nhiều cho ngân sách địa phương” năm 2017, 2018, 2019 của UBND tỉnh An Giang;
- Nhận bằng khen về Thành tích thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2019 do BHXH Việt Nam trao tặng.
- UBND tỉnh An Giang Công nhận Danh hiệu “Doanh nghiệp đạt chuẩn Văn hóa” Đạt chuẩn trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” 05 năm (2015-2019).
- UBND tỉnh An Giang Công nhận Danh hiệu Đạt chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” năm 2018, 2019, 2020





CÁC RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Bước sang năm 2020, nền kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng bởi sự bùng phát và lan rộng của đại dịch Covid-19 đã làm đình trệ các hoạt động sản xuất và chuỗi cung ứng bị đứt gãy, dịch vụ thông quan bị cản trở. Nhờ những nỗ lực của Chính phủ trong công tác ngăn chặn dịch bệnh lây lan, nửa cuối năm 2020 nền kinh tế nước ta dần hồi phục và thuộc vào nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới. Trái ngược với bức tranh ảm đạm của thế giới, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đạt tăng trưởng dương khi GDP năm 2020 tăng 2,91%. Trong thời gian qua, những căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn tiếp tục diễn ra đã tạo ra làn sóng chuyển dịch chuỗi cung ứng và Việt Nam được nhận định là một trong những quốc gia hưởng lợi khi nước ta thành công trong công tác chống dịch và đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế; cộng với nguồn lao động dồi dào, chính trị - xã hội ổn định. Bên cạnh đó, Việt Nam đang thúc đẩy quan hệ hợp tác với các quốc gia khác và ký kết các hiệp định thương mại như CPTPP; EVFTA; UKFTA, những hiệp định FTA này được kỳ vọng tạo động lực tăng trưởng cho nền kinh tế trong tương lai.

Do sự bùng phát và lan rộng của dịch Covid-19 đã tác động đến hoạt động lưu thông hàng hóa qua Cảng. Theo số liệu của Cục Hàng Hải Việt Nam, trong năm 2020, khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển An Giang giảm 35%, mức giảm chủ yếu là khối lượng hàng khô; khối lượng hàng hóa container thông qua cảng đạt 17.925 TEUs, giảm 32% so với 2019. Trước tình hình dịch bệnh vẫn chưa ổn định và chưa có dấu hiệu chấm dứt, do đó công ty vẫn không nên chủ quan và nhằm hạn chế các tác động tiêu cực từ nền kinh tế, Ban lãnh đạo luôn theo dõi và bám sát tình hình kinh tế, từ đó đưa ra những giải pháp và phương án kinh doanh phù hợp.

RỦI RO LẠM PHÁT

Trong những năm gần đây, lạm phát luôn được kiểm soát và duy trì ở mức thấp, dưới 4%/năm. Dưới tác động của dịch Covid-19 đã tạo nên những biến động trong giá cả hàng hóa, đặc biệt tăng đột biến vào những tháng đầu năm dẫn đến việc kiểm soát lạm phát theo mục tiêu của Quốc hội gặp khó khăn. Xu hướng tăng của lạm phát chủ yếu do giá thịt lợn tăng 57,23% so với năm trước do chưa đảm bảo nguồn cung, giá gạo tăng 5,14% do giá gạo xuất khẩu tăng nhờ chất lượng gạo được cải thiện và nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo, điều hành sát sao của Chính phủ, CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

RỦI RO LÃI SUẤT

Dịch Covid-19 đã làm cho một số doanh nghiệp dừng hoạt động, ảnh hưởng đến nguồn thu của công ty điều này dẫn đến khó khăn trong việc chi trả nợ vay cho ngân hàng. Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và vực dậy nền kinh tế, Ngân hàng nhà nước đã tiến hành nhiều đợt cắt giảm lãi suất điều hành, cụ thể lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6% xuống 4%, lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4% xuống 2,5%. Đồng thời, lãi suất huy động và cho vay của các ngân hàng giảm và được xem là mức thấp nhất trong nhiều năm qua. Lãi suất vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực ở mức 4,5%/năm. Trong khi đó, lãi suất cho vay ngắn hạn bằng USD ở mức 3,0 — 4,5%/năm. Tuy nhiên, trong năm 2021 sẽ có những thay đổi trong chính sách cho vay bằng ngoại tệ khi lãi suất tham chiếu LIBOR bị khai tử và sẽ thay thế bởi những lãi suất tham chiếu khác. Điều này sẽ dẫn đến một số thay đổi trong chính sách, hợp đồng cho vay để đáp ứng yêu cầu chặt chẽ hơn.

Kể từ 2019, Công ty Cổ phần Cảng An Giang đã trả hết nợ vay và hiện công ty không có khoản vay nên những thay đổi trong lãi suất tác động không nhiều đến tình hình kinh doanh của công ty.



➤ CÁC RỦI RO (TIẾP THEO) ◀◀

RỦI RO PHÁP LUẬT

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty.

Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cảng biển và là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nên CTCP Cảng An Giang chịu ảnh hưởng bởi các Luật và văn bản dưới Luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Hàng Hải Việt Nam, Luật Chứng khoán,.... Cụ thể, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 cũng có hiệu lực vào 01/01/2021, sẽ ảnh hưởng đáng kể đến công tác quản trị và hoạt động công ty. Bên cạnh đó, nền kinh tế Việt Nam đang dần hội nhập với thế giới đã mở ra nhiều cơ hội hợp tác với các nước trên thế

giới, một số hiệp định thương mại tự do (FTA) đã được triển khai như: Việt Nam - Hàn Quốc, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực vào ngày 14/01/2019, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực kể từ 01/08/2020, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Anh (UKFTA) có hiệu lực kể từ 31/12/2020 đã tác động tích cực trong việc thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu, thúc đẩy đáng kể thương mại quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia khác trong khối.

Do đó, để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn chủ động cập nhật liên tục các quy định pháp luật mới đổi và đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết nhằm tránh các vi phạm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và vị thế công ty.



RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Hoạt động kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng bởi tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Việc mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế và thương mại với các nước đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu do đó đã tạo cơ hội cho công ty tăng trưởng doanh thu và phát triển khách hàng của mình. Tuy nhiên, điều này cũng tác động tiêu cực đến công ty khi ngày càng xuất hiện một số lượng lớn các nhà khai thác tại cảng, chẳng hạn như sự ra đời của nhiều cảng ở phía hạ lưu khu vực Cảng An Giang, hoặc ở những khu vực đã phát triển hạ tầng và gần các khu trung tâm kinh tế và do đó đã làm gia tăng tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp kinh doanh cảng biển. Bên cạnh đó, khu vực sông Hậu đối diện một sự bất lợi đó chính là hệ thống cửa luồng chỉ cho phép các tàu có trọng tải nhỏ (5.000 tấn) hoạt động. Do vậy, các hãng tàu có xu hướng dịch chuyển sang những khu vực có cảng nước sâu cho phép các tàu có trọng tải lớn vào cảng.

Với đặc thù ngành nghề hoạt động cung cấp dịch vụ nên ít có sự khác biệt giữa các doanh nghiệp trong ngành đã tạo ra áp lực cạnh tranh về giá gay gắt để giành lấy thị phần. Những điều này đã gây ra khó khăn cho ngành cảng biển Việt Nam nói chung và Công ty cổ phần Cảng An Giang nói riêng. Theo đó, Công ty chủ trương tiếp tục duy trì mối quan hệ với khách hàng hiện

hữu và mở rộng thị trường thông qua hợp tác với các đối tác tiềm năng khác trong nước và các nước lân cận như Cambodia. Đồng thời mở rộng các tuyến vận chuyển liên khu vực để phục vụ nhu cầu của khách hàng với mục đích giảm thiểu rủi ro trên.

Ngoài ra những vấn đề còn tồn tại với ngành Cảng biển như hệ thống trang thiết bị bốc xếp hàng hóa chưa được đầu tư hiện đại hóa, đồng bộ, thiết bị hư hỏng thường xuyên làm tăng chi phí sửa chữa, hiệu suất bốc dỡ hàng hóa thấp và việc quản lý khai thác còn đơn giản. Do chưa được quan tâm đầu tư đúng mức nên cơ sở hạ tầng chưa phát triển đồng bộ với hệ thống cảng biển khiến tình trạng ách tắc cục bộ thường xuyên diễn ra. Thêm vào đó chất lượng dịch vụ và chi phí thông quan cao làm ảnh hưởng đến lượng khách hàng của các cảng biển. Chính vì vậy, để khai thông, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, Công ty đã có nhiều biện pháp như luôn tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho Công ty, nâng cao chất lượng dịch vụ và ưu tiên áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý hệ thống cảng biển.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các rủi ro đã được trình bày, công ty còn phải đối mặt với các rủi ro khác như hỏa hạn, thiên tai, dịch bệnh, rủi ro sự cố trong quá trình vận hành,.. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu bằng cách áp dụng các biện pháp như nâng cao ý thức người lao động trong công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động trong quá trình làm việc, mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, để giảm thiểu tối đa thiệt hại khi những biến cố xảy ra.

CHƯƠNG II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- » TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- » TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- » TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- » TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- » TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN GÓP CỦA CSH
- » TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Việt Nam có vị trí thuận lợi khi nằm ngay cạnh Biển Đông, là vị trí giao thương đặc biệt quan trọng trên bản đồ thế giới. Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid — 19, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 2020 của nước ta tăng 5,4% so với năm trước và xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng đã mang đến những cơ hội cho ngành cảng biển Việt Nam. Với nhiều cơ hội tiềm năng phát triển trong ngành cảng biển, nhiều doanh nghiệp đã tập trung khai thác lĩnh vực này, gây ra áp lực cạnh tranh gay gắt giữa những doanh nghiệp trong ngành, nhất là cạnh tranh về giá.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	TH 2020 / KH 2020	% Tăng/ Giảm
Tổng doanh thu	71.290	62.300	59.810	96,00%	-16,10%
Sản lượng thông qua (tấn)	1.609.000	1.610.000	1.586.000	98,50%	-1,43%
Lợi nhuận trước thuế	5.216	5.250	5.371	102,30%	2,98%
Lợi nhuận sau thuế	4.219	4.200	4.586	109,19%	11,07%

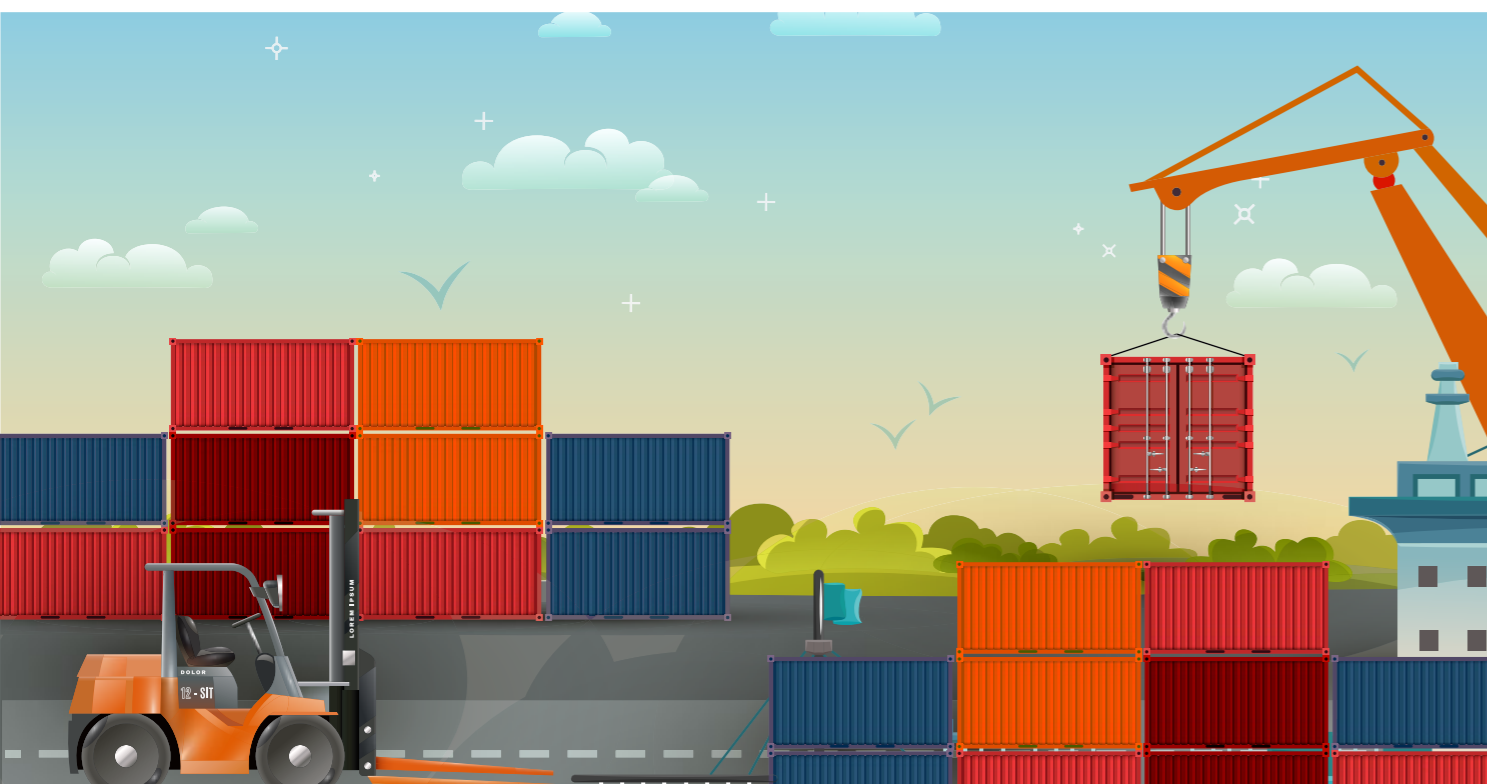
Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Cảng An Giang năm 2020, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/giảm(%)
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu bán hàng hóa	8.048	11,56	605	1,06	-92,5
Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.588	88,44	56.533	98,94	-8,2
Doanh thu thuần	69.636	100	57.138	100	-17,95

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Cảng An Giang năm 2020



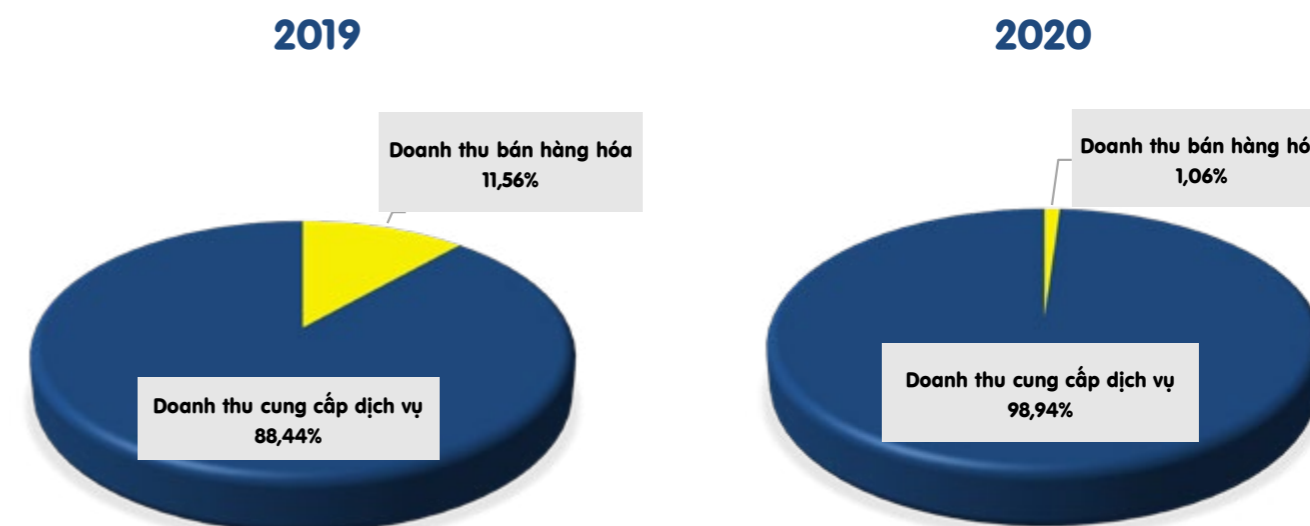
Đặc điểm tình hình

Bước vào thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nhưng hoạt động xuất nhập khẩu của nước ta vẫn cho thấy sự tăng trưởng. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 đạt 545,36 tỷ USD; tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 282,65 tỷ USD, tăng 7,0% và nhập khẩu đạt 262,7 tỷ USD, tăng 3,7%.

Tuy nhiên trong năm qua, sản lượng hàng hóa thông qua Cảng bị tác động bởi quyết định tạm thời giãn tiến độ xuất khẩu gạo của Chính phủ thông qua biện pháp quản lý bằng hạn ngạch để đảm bảo an ninh lương thực. Ngoài ra do luồng cho tàu có trọng tải lớn vào Sông Hậu bị bồi lắng nên các tàu có trọng tải lớn không vào được hàng hóa phải chuyển lên các Cảng ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh để xếp.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- » Trước bối cảnh nền kinh tế không thuận lợi đã tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng với kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực khai thác cảng, dưới sự lãnh đạo của HĐQT, công tác quản lý của Ban Điều hành cùng với sự nỗ lực quyết tâm của toàn thể CBCNV đã giúp công ty vượt qua khó khăn và ổn định tình hình hoạt động kinh doanh.
- » Trong năm 2020, lợi nhuận trước thuế và sau thuế đã đạt được kế hoạch đề ra, tuy nhiên tổng doanh thu của công ty không khả quan là do chuỗi cung ứng bị đứt gãy. Cụ thể tổng doanh thu năm 2020 đạt 59.810 triệu đồng, giảm 16,10% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh tình hình kinh tế khó khăn, Công ty đã thực hiện chính sách giảm 30% tiền thuê kho bãi ở Cảng Bình Long, giảm 30% cảng phí đối với các tàu nằm chờ hàng do ảnh hưởng của dịch Covid để hỗ trợ khách hàng, điều này đã làm cho doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 17,95%, đạt 53.138 triệu đồng. Điểm nổi bật trong tổng doanh thu chính là xuất phát từ doanh thu hoạt động tài chính đạt 2.666 triệu đồng, tăng 64,92%, chủ yếu đến từ lãi tiền gửi ngân hàng. Lợi nhuận sau thuế tăng 11,07%, đạt 4.589 triệu đồng, mức tăng này chủ yếu đến từ doanh thu hoạt động tài chính, và sự hỗ trợ của Chính phủ đối với thuế thu nhập doanh nghiệp.
- » Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ, do vậy tỷ trọng doanh thu cung cấp dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu ở mức 98,94% năm 2020. Doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa chủ yếu phát sinh từ cung cấp nhiên liệu và cốt lót, tuy nhiên từ tháng 3 năm 2020 Công ty không bán nhiên liệu nữa mà chuyển sang dịch vụ môi giới giữa khách hàng với chủ tàu hoặc Đại lý Hàng hải nên doanh thu bán hàng hóa giảm hơn so với cùng kỳ.



Cơ cấu sản lượng hàng hóa thông qua Cảng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019	Năm 2020	% Năm 2020/ Năm 2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Sản lượng xuất khẩu	559.000	685.000	122,50%	34,74%	43,19%
Sản lượng nhập khẩu	104.400	79.300	75,96%	6,49%	5%
Sản lượng nội địa	488.000	402.000	82,38%	30,33%	25,35%
Container	357.600	295.000	82,49%	22,22%	18,60%
Khác	100.000	124.700	124,70%	6,22%	7,86%
Tổng cộng	1.609.000	1.586.000	98,57%	100%	100%

Nguồn: CTCP Cảng An Giang

Sản lượng thông qua Cảng đạt 1.586.000 tấn, giảm 1,43% so với cùng kỳ năm trước với mặt hàng chủ lực thông qua Cảng chủ yếu là gạo chiếm 62,5% tương đương 991.000 tấn. Cơ cấu sản lượng có sự thay đổi khi sản lượng nhập khẩu, nội địa và container giảm trong khi đó sản lượng xuất khẩu tăng.

Mặc dù bị ảnh hưởng bởi chính sách hạn ngạch trong xuất khẩu gạo và trong quý IV Chính phủ Philippines dừng cấp giấy phép thông quan về vệ sinh và kiểm dịch (SPS) nhập khẩu gạo để ổn định giá gạo trong nước nhưng sản lượng xuất khẩu gạo thông qua Cảng tăng 22,5% là do các nước Philippines, Malaysia, Timo, Trung Quốc tăng cường nhập khẩu gạo để đảm bảo lương thực.

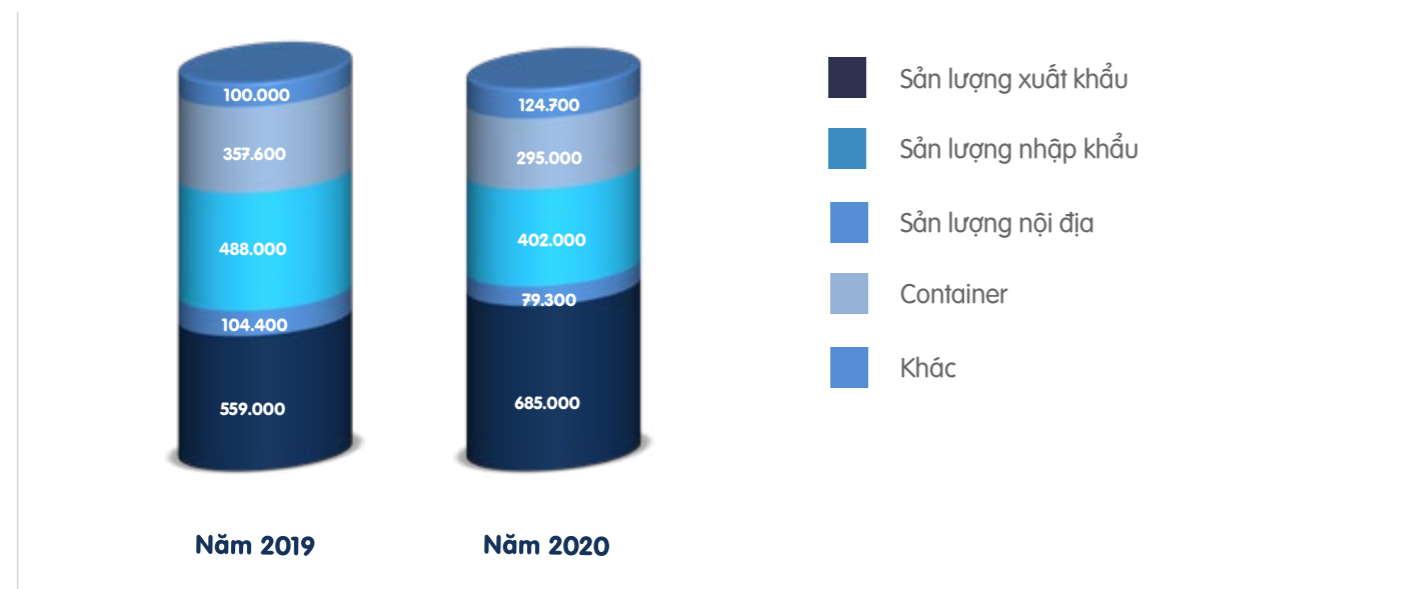
Mặt hàng nhập khẩu (chủ yếu là gỗ) thông qua Cảng đạt 79.300 giảm 24% do ảnh hưởng của chính sách giãn cách xã hội, đóng cửa biên giới tác động đến nhu cầu tiêu thụ hàng hóa, tồn đọng hàng hóa nên khách hàng cũng hạn chế nhập khẩu.

Sản lượng nội địa (gạo, gỗ, clinker) thông qua Cảng đạt 402.000 tấn, giảm 17,62% là do nước ta chịu tác động bởi thời tiết đặc biệt là bão lũ diễn ra từ tháng 10 — tháng 12 làm cho các tàu hàng không thể rời cảng mà phải neo đậu để tránh bão.

Đối với container (phần lớn là container đóng gạo) qua cảng đạt 19.668 teus tương đương 295.000, giảm 17,5%. Nguyên nhân là do hoạt động giao thương trong nước và với các quốc gia khác bị đình trệ do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã làm cho thời gian quay vòng trung bình của một container tăng lên 100 ngày so với 60 ngày trước đây. Điều này đã dẫn tới việc thiếu container rỗng đóng hàng xuất khẩu ở trên toàn cầu, gây gián đoạn chuỗi cung ứng hàng hóa. Ngoài ra sản lượng container giảm so với cùng kỳ là do năm 2019 Công ty có phát sinh công thiết bị năng lượng mặt trời của tập đoàn Sao Mai.

Cơ cấu sản lượng hàng hóa thông qua Cảng năm 2019, năm 2020

Đơn vị tính: Tấn



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Bùi Thành Hiệp	Tổng Giám đốc	1.796.400	13,02%
2	Trần Văn Cam	Phó Tổng Giám đốc	1.519.200	11%
3	Trần Tấn Phong	Phó Tổng Giám đốc	1.240.900	8,99%
4	Nguyễn Văn Cơ	Kế toán trưởng	1.800	0,01%

(*) Tính tại thời điểm 31/12/2020

Lý lịch Ban điều hành



Ông Bùi Thành Hiệp – Tổng Giám đốc

Trình độ học vấn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- 1996 - 1998: Trưởng phòng Dịch vụ tổng hợp Cảng Mỹ Thới.
- 1998 - 2000: Phó Giám đốc Cảng Mỹ Thới An Giang.
- 2000 - 2011: Giám đốc Cảng Mỹ Thới An Giang.
- 04/2011 - 04/2016: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Cảng An Giang.
- 05/2016 - nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Ủy viên BCH Đảng ủy Khối Cơ quan và doanh nghiệp An Giang.
- Bí thư Đảng ủy CTCP Cảng An Giang.
- Ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội Cảng biển Việt Nam.

Số lượng cổ phần sở hữu:

- Sở hữu cá nhân: 2.400 cổ phiếu (chiếm 0,02% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: đại diện cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC): 1.794.000 cổ phiếu (chiếm 13% vốn điều lệ).





Ông Trần Văn Cam – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ học vấn: Cử nhân Quản trị doanh nghiệp

Quá trình công tác:

- 2005 - 2007: Đội trưởng đội KĐGNHH.KH Cảng Mỹ Thới An Giang.
- 2007 - 2010: Phó phòng Điều độ kiêm Đội trưởng Đội KĐGNHH.KH.
- 2010 - 2011: Trưởng phòng TCHC-LĐT.
- 04/2011 - 04/2016: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng TCHC-LĐT.
- 05/2016 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng TCHC-LĐT-PC và là Chánh Văn phòng HĐQT Công ty CP Cảng An Giang.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Phó Bí thư - Đảng ủy CTCP Cảng An Giang.
- Chủ tịch Công đoàn CTCP Cảng An Giang.

Số lượng cổ phần sở hữu:

- Sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phiếu (chiếm 0,01% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: đại diện cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC): 1.518.000 cổ phiếu (chiếm 11% vốn điều lệ).



Ông Trần Tấn Phong – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- 2004 - 2007: Phó phòng Kỹ thuật Vật tư Cảng Mỹ Thới.
- 2007 - 2010: Phó Trưởng phòng Điều độ.
- 2010 - 2011: Trưởng phòng Điều độ.
- 04/2011 - 04/2016: Thành viên Hội đồng Quản trị - kiêm Phó Tổng Giám đốc - kiêm Giám đốc XN Cảng Mỹ Thới CTCP Cảng An Giang.
- 05/2016 - nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - kiêm Phó Tổng Giám CTCP Cảng An Giang.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Đảng ủy viên - Đảng ủy CTCP Cảng An Giang.

Số lượng cổ phần sở hữu:

- Sở hữu cá nhân: 1.300 cổ phiếu (chiếm 0,01% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: đại diện cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC): 7.311.600 cổ phiếu (chiếm 8,98% vốn điều lệ).



Ông Nguyễn Văn Cơ – Kế toán trưởng

Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác:

- 2001 — 2003: Đội trưởng Đội cung ứng Dịch vụ Cảng Mỹ Thới An Giang.
- 2003 — 2006: Phó phòng Kế toán tài vụ Cảng Mỹ Thới An Giang.
- 2006 — 2007: Q.Trưởng phòng Kế toán tài vụ Cảng Mỹ Thới An Giang.
- 2007 — 2011: Trưởng phòng Kế toán tài vụ Cảng Mỹ Thới An Giang.
- 04/2011 — 04/2016: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán Tài vụ CTCP Cảng An Giang.
- 05/2016 — nay: Kế toán trưởng; Trưởng phòng Kế toán Tài vụ CTCP Cảng An Giang.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Đảng ủy viên - Đảng ủy CTCP Cảng An Giang.

Số lượng cổ phần sở hữu:

- Sở hữu cá nhân: 1.800 cổ phiếu (chiếm 0,01% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).



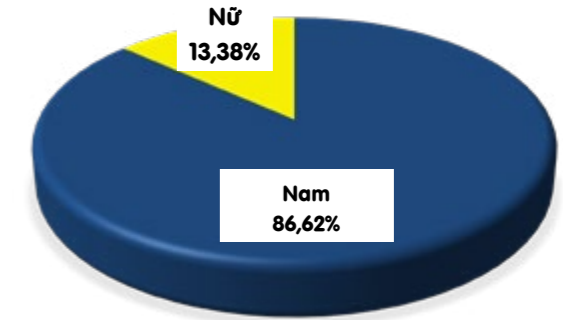
Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ lao động	142	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	31	21,83%
2	Trình độ cao đẳng	6	4,23%
3	Trình độ trung cấp	21	14,79%
4	Công nhân kỹ thuật	74	52,11%
5	Lao động phổ thông	10	7,04%
6	Khác	-	0,00%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	142	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	22	15,49%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	120	84,51%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	-	0,00%
C	Theo giới tính	142	100%
1	Nam	123	86,62%
2	Nữ	19	13,38%

TÍNH CHẤT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



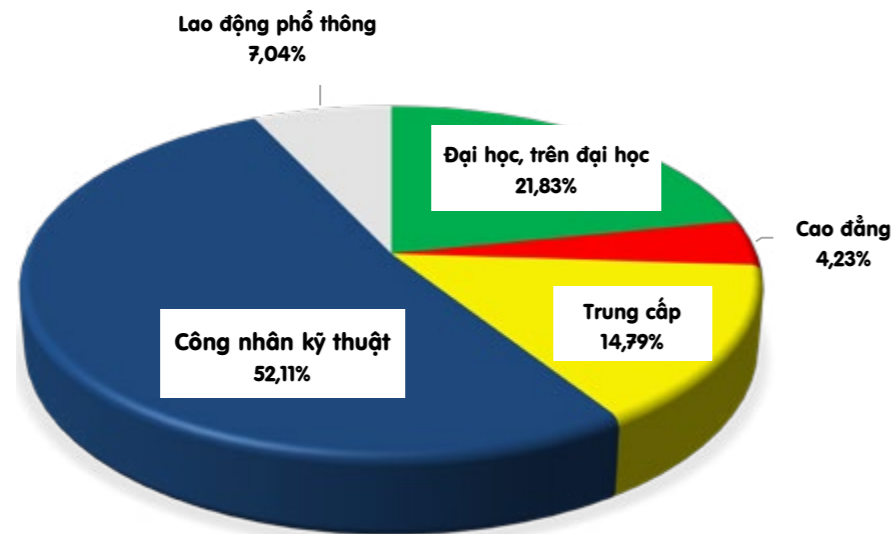
THEO GIỚI TÍNH



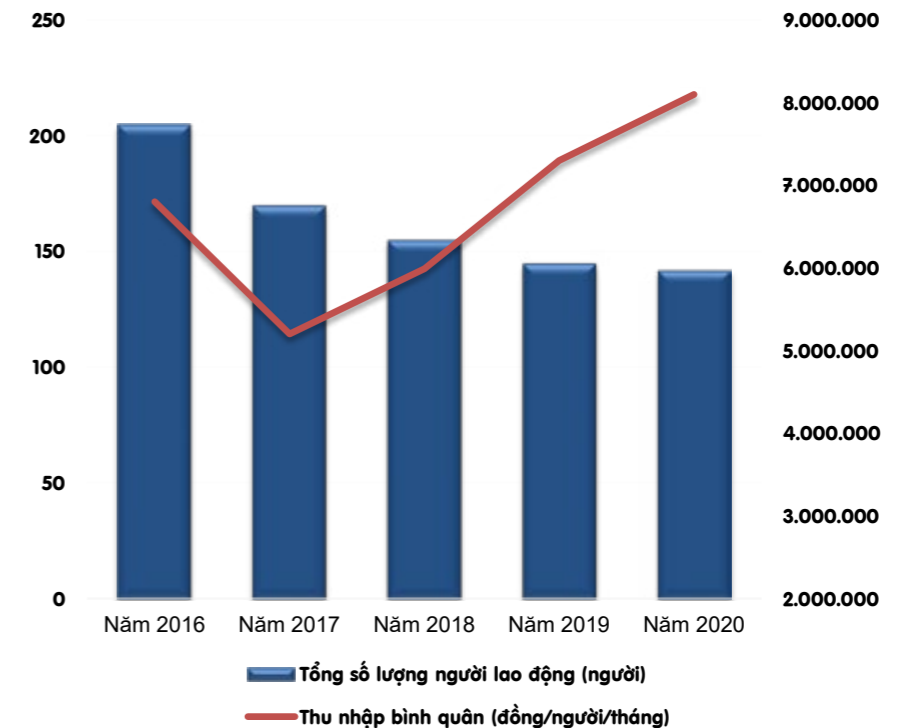
Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	205	170	155	145	142
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.800.000	5.200.000	5.990.000	7.300.000	8.100.000

CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG



Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm



Chính sách nhân sự

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, yếu tố con người luôn được Công ty quan tâm hàng đầu, là yếu tố cốt lõi để Công ty tồn tại và phát triển bền vững trong môi trường kinh tế năng động, ngày càng phát triển và cạnh tranh. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức thu nhập hấp dẫn, Công ty luôn tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo, xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực nhằm khai thác tối đa năng lực, nâng cao năng suất.

VỀ ĐÀO TẠO

Công ty luôn xác định nguồn nhân lực chính là chìa khóa vàng, là động lực thúc đẩy Công ty phát triển bền vững. Trong những năm qua công ty luôn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn thông qua các chương trình đào tạo nhằm đạt được mục tiêu chuyên nghiệp hóa đội ngũ nhân viên, phát triển đội ngũ kế thừa gắn liền với giá trị và văn hóa của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, mỗi vị trí, chức danh công việc của từng bộ phận đều có những tiêu chuẩn đào tạo riêng và đều được thực hiện theo quy định cũng như nhu cầu đào tạo của Công ty. Ngoài ra, công ty luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho nhân viên phát huy tính sáng tạo, chủ động trong công việc; đồng thời công ty khuyến khích, hỗ trợ cán bộ công nhân viên có tinh thần cầu tiến, sự tìm tòi, học hỏi để phát triển và hoàn thiện bản thân nhằm nâng cao năng lực chuyên môn.

VỀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

Ban lãnh đạo công ty luôn chú trọng cải thiện môi trường làm việc nhằm tạo tâm lý thoải mái cho nhân viên làm việc tại công ty, chăm lo đời sống cho đội ngũ cán bộ, nhằm góp phần cải thiện tình hình hoạt động và mối quan hệ khăng khít giữa người lao động với Công ty. Ngoài ra, các chính sách y tế, bảo hiểm luôn được công ty phát triển nhằm nâng cao chất lượng sức khỏe người lao động bởi vì công ty nhận thấy khi sức khỏe của nhân viên được đảm bảo thì hiệu quả công việc được nâng cao cũng như hạn chế vấn đề tai nạn lao động.

Trong giai đoạn cải thiện, phục hồi và phát triển hiện nay của công ty, các chính sách trên góp phần duy trì, cải thiện các hoạt động kinh doanh bên cạnh năng suất lao động được nâng cao, tạo nền tảng cơ bản giúp người lao động yên tâm, gắn bó với Công ty. Đồng thời công ty luôn duy trì, giữ gìn văn hóa doanh nghiệp với môi trường làm việc thân thiện, chan hòa, sẻ chia, giúp nhau cùng tiến bộ. Hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến vận tải quốc tế, công ty luôn tuân thủ nghiêm túc Công ước lao động hàng hải Quốc tế (MLC 2006). Với nhận thức đầy đủ về quyền của người lao động và sử dụng lao động, Công ty luôn tuân thủ theo quy định của Bộ Luật lao động và Nội quy lao động của Công ty về việc bảo đảm thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi đối với người lao động.

VỀ LƯƠNG, THƯỜNG, PHÚC LỢI VÀ ĐÃI NGỘ

Chính sách lương và phụ cấp:

Hệ thống lương thưởng của Công ty được xây dựng phù hợp theo từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng và luôn tạo điều kiện cho người lao động có chuyên môn cao được hưởng lương tương xứng với cống hiến của họ. Đồng thời tạo động lực thu hút người tài đáp ứng nguồn nhân lực bền vững của Công ty;

- » Để khuyến khích và cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động, Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành quy chế trả lương, trả thưởng cho doanh nghiệp, được Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh An Giang công nhận. Đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.;
- » Công ty luôn thực hiện tốt yêu cầu của Bộ Luật lao động. Xây dựng Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể được Sở Lao động Thương binh và Xã hội công nhận. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động như mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn con người.

Chính sách khen thưởng:

Công ty có những chính sách khen thưởng đối với những cán bộ nhân viên có thành tích tốt trong công việc và các bộ phận đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao, đóng góp sáng kiến, giải pháp giúp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh như tháng lương 13, thưởng theo thành tích đạt được, thưởng sáng kiến kỹ thuật,... Các chính sách trên nhằm tạo động lực làm việc cho cán bộ nhân viên, gắn kết mối quan hệ thân thiết giữa nhân viên với công ty.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN



Về công tác đầu tư:

Trong năm 2020, Công ty đã đầu tư 1 cần trục bánh xích và 02 máy đào bánh xích để phục vụ cho công tác xếp dỡ hàng hóa với tổng giá trị: 3.356.532.000 đồng.

Để tiếp tục mở rộng sản xuất, kinh doanh, nhất là khai thác dịch vụ logistics đóng rút hàng container tại Cảng, bốc xếp hàng rời,... Công ty đầu tư 02 xe cuốc và 01 cần trục 60 tấn để đáp ứng phương án tác nghiệp về bốc xếp hàng hóa tại cảng theo yêu cầu khách hàng, đồng thời công tác đầu tư xây dựng kè mở rộng bến bãi đã hoàn thành, đưa vào khai thác xếp dỡ, lưu bãi mặt hàng gỗ ổn định.

Về thực hiện dự án:

Thực hiện quyết định của UBND TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang về việc thu hồi đất các hộ dân trong Dự án mở rộng Cảng Mỹ Thới. Dự án này được chia thành 02 giai đoạn: Giai đoạn 1 gồm đất công và một phần đất các hộ dân gần 2,4ha để thuận lợi trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng, song song làm thủ tục thuê đất 50 năm giai đoạn 1 để có cơ sở pháp lý đầu tư các hạng mục theo Dự án và sau đó sẽ tiến hành giai đoạn 2.

Về công tác kinh doanh:

Công ty tiếp tục duy trì ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh trên cơ sở chất lượng dịch vụ hiện có, đem lại doanh thu và có lợi nhuận. Có mối quan hệ gắn kết với các khách hàng truyền thống, các đơn vị logistics,..., ký kết các hợp đồng kinh tế đảm bảo tính pháp lý và hiệu quả.

PLANNING

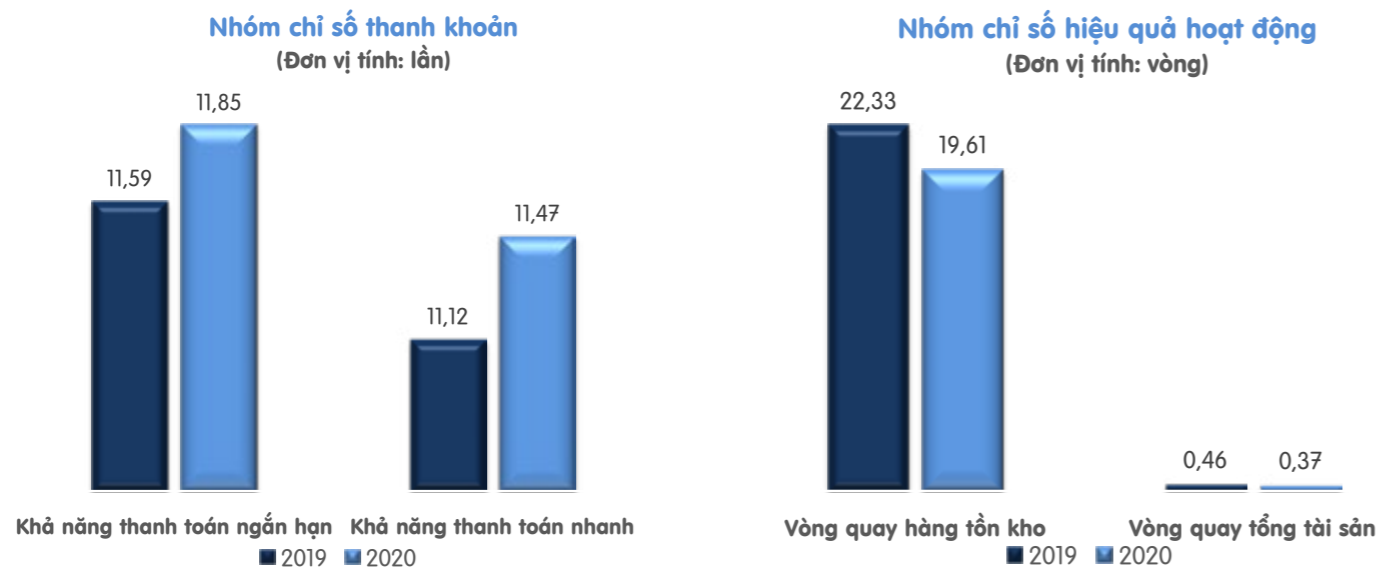


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	11,59	11,85
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	11,12	11,47
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	3,79	3,92
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	3,94	4,08
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	22,33	19,61
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,46	0,37
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,93	8,03
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	2,82	3,12
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,71	3,00
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	7,45	9,39

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Cảng An Giang năm 2020



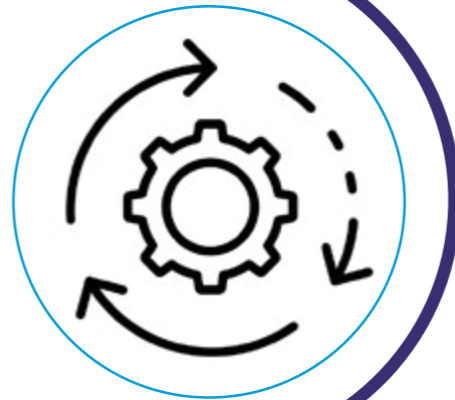
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2020, các chỉ số thanh toán đều tăng. Cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 11,59 lần lên 11,85 lần; hệ số thanh toán nhanh tăng từ 11,12 lần lên 11,47 lần. Lý giải cho sự gia tăng trong 2 chỉ số này là do công ty kiểm soát tốt chính sách công nợ đối với khách hàng khi mà khoản phải thu khách hàng ngắn hạn giảm 2,7 tỷ đồng tương ứng giảm 21,52% so với 2019; đồng thời tiền và tương đương tiền tăng 50,25%. Cũng chính vì sự ảnh hưởng của dịch Covid-19, nên lượng hàng tồn kho trong năm 2020 đạt 2 tỷ đồng, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm trước nhằm làm giảm chi phí lưu trữ cũng như đảm bảo chất lượng hàng hóa. Cả 2 chỉ số này ở mức khá cao (xấp xỉ 12 lần) là do công ty sử dụng ít đòn bẩy, điều này chứng tỏ công ty có đủ nguồn lực tài chính để thanh toán cho các chủ nợ.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều tăng, lần lượt đạt 3,92% và 4,08%. Trong cấu trúc vốn của công ty, tỷ trọng nợ chiếm 3,92% tổng tài sản, do vậy phần lớn nguồn vốn của công ty được tài trợ từ vốn chủ sở hữu. Trong năm qua, công ty không vay thêm nợ mà chủ yếu dùng vốn tự có để mua sắm máy móc thiết bị. Năm 2020, nợ phải trả của công ty tăng 4,17% chủ yếu xuất phát từ khoản ký quỹ, ký cược của Công ty Cổ phần tập đoàn UNIS. Đồng thời quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty tăng 220,1%, một phần là để hỗ trợ công nhân viên bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, một phần là để khuyến khích CB.CNV, ban lãnh đạo đã cùng công ty vượt qua khó khăn và đạt kế hoạch lợi nhuận mà công ty đã đề ra. Tuy nhiên, chỉ tiêu về cấu trúc vốn của công ty khá thấp điều này cho thấy công ty chưa tận dụng được đòn bẩy tài chính để tài trợ cho các dự án đầu tư cũng như đem lại hiệu quả tốt trong kết quả kinh doanh. qua khó khăn và đạt kế hoạch lợi nhuận mà công ty đã đề ra. Tuy nhiên, chỉ tiêu về cấu trúc vốn của công ty khá thấp điều này cho thấy công ty chưa tận dụng được đòn bẩy tài chính để tài trợ cho các dự án đầu tư cũng như đem lại hiệu quả tốt trong kết quả kinh doanh.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ, do vậy hàng tồn kho của công ty chiếm tỷ trọng khá thấp trong tổng tài sản. Trong năm 2020, hệ số vòng quay hàng tồn kho giảm từ 22,33 vòng xuống 19,61 vòng do hàng hóa ứ đọng tại cảng, không được thông quan cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,46 vòng xuống 0,37 vòng, điều này được phản ánh thông qua sự sụt giảm trong doanh thu (giảm 17,95% so với 2019).



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2020 đều tăng so với năm trước. Cụ thể ROE tăng từ 2,82% lên 3,12% và ROA tăng từ 2,71% lên 3%. Cả 2 chỉ số ROA và ROE xấp xỉ bằng nhau là do đặc thù công ty ít sử dụng nợ vay. Tuy nhiên 2 chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần có mức tăng khá cao do sự sụt giảm của doanh thu thuần lớn hơn mức gia tăng của lợi nhuận. Cụ thể Biên lợi nhuận ròng tăng từ 5,93% lên 8,03% và Biên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng từ 7,45% lên 9,39%. Mặc dù sự cạnh tranh gay gắt giữa các cảng trong khu vực và tình hình kinh tế không mấy sáng sủa, công ty vẫn duy trì mức tăng trưởng dương trong lợi nhuận đã cho thấy sự phối hợp chặt chẽ giữa ban lãnh đạo và HĐQT trong việc triển khai các kế hoạch ứng phó đối với từng tình kịch bản. Đây chính là động lực để CAG phát triển trong tương lai.

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 31/12/2020)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	110	13.800.000	138.000.000.000	100%
1	Cổ đông nhà nước	1	7.311.600	73.116.000.000	52,98%
2	Cổ đông nội bộ	44	58.900	589.000.000	0,43%
3	Cổ đông tổ chức	9	4.330.700	43.307.000.000	31,38%
4	Cổ đông cá nhân	56	2.098.800	20.988.000.000	15,21%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	0%
1	Cá nhân	-	-	-	0%
2	Tổ chức	-	-	-	0%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	0%
Tổng cộng		110	13.800.000	138.000.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn (tại ngày 31/12/2020)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông nhà nước			
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	7.311.600	52,98%
Cổ đông lớn			
2	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hùng Anh	1.579.000	11,44%
3	Công ty Cổ Phần Vận Tải Thủy Tân Cảng	800.000	5,80%
4	Cao Lương Trí	700.000	5,07%
5	Công ty Cổ phần GENTRACO	697.700	5,06%
Tổng cộng		11.088.300	80,35%

Tình hình thay đổi vốn góp của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Thông tin cổ phiếu



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng được sử dụng hiện nay có nguồn gốc từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên không thể tái tạo, do vậy một vấn đề thách thức đối với doanh nghiệp là nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện nay đang dần cạn kiệt. Vấn đề này càng trở nên khó khăn hơn khi mà tăng trưởng kinh tế thường gắn liền với nhu cầu gia tăng tiêu thụ năng lượng. Theo dự báo của EIA thì đến năm 2030, mức tiêu thụ năng lượng toàn cầu dự kiến sẽ tăng lên 55%. Do đó, việc triển khai các chính sách tiết kiệm năng lượng là điều cần thiết.

Nhận thấy được tính cấp thiết trong vấn đề thiếu hụt năng lượng, Công ty đã sử dụng nhiều biện pháp để tiết kiệm nguồn năng lượng như sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị thường xuyên để tránh tình trạng tiêu hao năng lượng do thiết bị quá cũ hoặc quá nóng, tắt bớt các thiết bị điện không cần thiết. Để hạn chế tối đa các nguồn năng lượng bị lãng phí, Công ty thường xuyên kiểm tra hiệu quả sử dụng năng lượng, đồng thời nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên Công ty về tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như giảm thiểu chi phí sử dụng năng lượng của Công ty.

Tuân thủ pháp luật về môi trường

Tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng do nhiều nhà máy, xí nghiệp không thực hiện đúng quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường đã gây ra nhiều bức xúc trong xã hội. Trong quá trình hình thành và phát triển, công ty luôn nỗ lực nhằm hạn chế ảnh hưởng tới môi trường trong quá trình hoạt động của công ty. Trong những năm qua Công ty luôn thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng đưa ra các quy định chặt chẽ đối với chủ tàu để tránh tình trạng xả rác bừa bãi cũng như vấn đề ô nhiễm nguồn nước do dầu máy, đồ dùng sinh hoạt của các chủ tàu xả ra tại Cảng. Ngoài ra, Công ty còn có bộ phận dịch vụ gom rác thải sinh hoạt trên các tàu. Với quan niệm bảo vệ môi trường là bảo vệ cho cuộc sống, chính sức khỏe của chúng ta, Công ty luôn nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ nhân viên Công ty cùng với các khách hàng để có thể bảo vệ môi trường sống cho thế hệ mai sau.



Tiêu thụ nước

Trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp đã tác động lớn đến tài nguyên nước và dân số toàn cầu tăng đã dẫn đến nhu cầu tiêu thụ nước tăng theo. Tuy nhiên, tình trạng lãng phí nước tại các thành phố lớn vẫn đang diễn ra trong khi các vùng nông thôn lại thiếu nước nghiêm trọng do mạng lưới nước vẫn chưa được thiết lập và phát triển. Điều này đã gây khó khăn cho người dân tại các vùng nông thôn. Nhận thức được những thách thức đối với tài nguyên nước, Công ty đã có những định hướng để hạn chế việc lãng phí nước đồng thời tối thiểu chi phí hoạt động thông qua việc kiểm tra đường ống dẫn nước thường xuyên; tránh tình trạng nước bị rò rỉ hay thất thoát, tận dụng nguồn nước mưa. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường giáo dục, nâng cao kiến thức của cán bộ nhân viên Công ty về tiết kiệm nguồn nước.



Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn chú trọng đến tinh thần và vật chất của người lao động bởi công ty luôn quan niệm phát triển bền vững dựa trên cơ sở phát triển nguồn nhân lực. Công ty luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Ngoài ra, chính sách với người lao động luôn được Ban Lãnh đạo công ty đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc, đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động theo "Thỏa ước lao động tập thể" đã được ký kết giữa chính quyền với Công đoàn.

Công ty luôn đảm bảo 100% người lao động được ký hợp đồng lao động, có việc làm ổn định, được công ty mua BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Các chế độ như nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện vật được công ty chăm lo đầy đủ cho người lao động. Ngoài ra, Công ty luôn phối hợp với Công đoàn tổ chức thăm hỏi, trợ cấp khó khăn cho những người lao động ốm đau, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ cho những công nhân tạm thời ngừng việc do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tổ chức các đợt tập huấn cho cán bộ công nhân viên, các lớp kỹ năng về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và sơ cấp cứu cho toàn bộ công nhân và lên kế hoạch kiểm tra định kỳ trang thiết bị, máy móc, cơ sở hạ tầng. Công ty đảm bảo an toàn cho người lao động thông qua việc trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân khi tham gia vào hoạt động sản xuất, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm, bồi dưỡng sức khỏe cho người lao động bằng hiện vật, tổ chức các hoạt động ngoài trời để tạo động lực cho nhân viên làm việc tốt hơn.

CHƯƠNG III

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- » ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2020
- » TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- » NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ
- » KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI
- » BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	TH 2020/ KH 2020	TH 2020/ TH 2019
Sản lượng thông qua cảng	Tấn	1.586.000	98,50%	98,57%
Sản lượng xuất khẩu	Tấn	685.000	122,30%	122,50%
Sản lượng nhập khẩu	Tấn	79.300	99,10%	75,96%
Sản lượng nội địa	Tấn	402.000	87,30%	82,38%
Container	Tấn	295.000	78,70%	82,49%
Khác	Tấn	124.700	-	124,70%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	59.810	96,00%	83,90%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.371	102,30%	102,98%
Thu nhập bình quân người lao động/ tháng	Triệu đồng	8,1	-	110,96%

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Cảng An Giang năm 2020, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam và Thế giới trì trệ vì dịch Covid-19 bùng phát, song hành với đó là những trận mưa bão, lũ lụt tại miền Trung đã ảnh hưởng đến nền kinh tế. Trước bức tranh nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều thách thức, ngành hàng hải được xem là điểm sáng tăng trưởng khi khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển năm 2020 đạt 692 triệu tấn, tăng 4% so với năm 2019. Tuy nhiên, theo số liệu của Cục Hàng Hải Việt Nam, trong năm 2020 khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển An Giang giảm 35%, mức giảm chủ yếu là khối lượng hàng khô; khối lượng hàng hóa container thông qua cảng đạt 17.925 TEUs, giảm 32% so với 2019. Hoạt động của Công ty chủ yếu tại tỉnh An Giang, do vậy hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng khi nền kinh tế An Giang gặp khó khăn. Tuy thách thức đặt ra không nhỏ, nhưng với định hướng và sự phối hợp của Ban lãnh đạo, HĐQT, cùng với ý chí quyết tâm của CB.CNV nên công ty vẫn giữ được thị phần, giữ được khách hàng truyền thống.

Hàng xuất khẩu (chủ yếu là gạo)

Sản lượng gạo xuất khẩu thông qua Cảng năm 2020 đạt 685.000 tấn đạt 122,3% kế hoạch năm và bằng 122,5% so với cùng kỳ. Mặc dù bị ảnh hưởng bởi chính sách tạm dừng xuất khẩu gạo để ổn định hàng hóa tiêu dùng nước và chính sách hàng hóa của Philippines vào quý IV nhưng sản lượng xuất khẩu thông qua Cảng tăng 22,5% do Ban Tổng Giám đốc nắm bắt được nhu cầu nhập khẩu gạo để đảm bảo lương thực của các nước như Philippines, Malaysia, Timo, Trung Quốc nên Ban Điều hành đã chỉ đạo, điều hành tổ khai thác hàng hóa tiếp cận khách hàng và đôn đốc chỉ đạo các bộ phận trực tiếp sản xuất trong việc xếp dỡ, giao nhận hàng hóa.

Hàng nhập khẩu (chủ yếu là gỗ)

Hàng nhập khẩu thông qua Cảng năm 2020 chỉ đạt 75,5% kế hoạch năm và bằng 75,96% so với cùng kỳ. Lý giải cho sự sụt giảm trong hàng nhập khẩu là do ảnh hưởng của dịch bệnh nên các quốc gia áp dụng chính sách cách ly xã hội, đóng cửa biên giới gây khó khăn cho việc mua bán hàng hóa, mặt khác hàng hóa không tiêu thụ được, tồn kho nhiều nên khách hàng cũng hạn chế nhập khẩu. Riêng đối với mặt hàng phân xá nhập khẩu đóng gói tại Cảng thì năm qua khách hàng không nhập. Nguyên nhân là do giá phân bón trong nước thấp hơn giá nhập khẩu và khách hàng cũng gặp khó khăn trong việc xuất khẩu hàng hóa do các nước đóng cửa biên giới, cách ly phòng dịch Covid-19.

Hàng nội địa (gạo, gỗ, clinker)

Năm 2020, sản lượng hàng nội địa thông qua Cảng đạt 402.000 tấn đạt 87,3% kế hoạch năm và bằng 82,38% so với cùng kỳ. Sản lượng hàng nội địa không đạt kế hoạch đề ra là do ảnh hưởng thời tiết, gió mùa, nhiều cơn bão liên tiếp đổ bộ vào nước ta từ tháng 10 đến tháng 12 làm cho các tàu vận tải hàng hóa nội địa không thể rời cảng hoặc phải neo đậu tránh bão. Làm ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng hàng hóa thông qua Cảng.



Container

Sản lượng container qua cảng năm 2020 đạt 19.668 teus tương đương 295.000 tấn đạt 78,7% kế hoạch năm và bằng 82,49% so với cùng kỳ. Container xuất, nhập qua cảng phần lớn là container đóng gạo. So với cùng kỳ sản lượng container giảm 17,5% nguyên nhân là do dịch Covid-19 bùng phát mạnh và diễn biến phức tạp khiến sản xuất trong nước và thương mại quốc tế đình trệ, ngoài ra còn có sự cạnh tranh về giá giữa đường bộ và đường thủy, hàng hóa sản xuất ít nên các doanh nghiệp chọn phương thức vận chuyển container bằng đường bộ với chi phí thấp hơn và thời gian nhanh hơn.





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)



Cảng Bình Long

Trong năm qua, Cảng Bình Long đã tạo ra sự tăng trưởng ấn tượng với doanh thu 2020 đạt 5,47 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch năm và bằng 107,0% so với cùng kỳ. Nhìn chung sản lượng hàng hóa thông qua Cảng vượt kế hoạch đề ra và cao hơn so với cùng kỳ. Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng năm 2020 đạt 125.000 tấn đạt 113,5% KH năm và bằng 125,3% so với cùng kỳ. Tuy nhiên Cảng Bình Long đang đối mặt với những rủi ro và thách thức khi mà cơ cấu hàng hóa không đa dạng và số lượng khách hàng ít. Hàng hóa thông qua Cảng chủ yếu là phân bón đạt 81.000 tấn chiếm tỷ trọng 65% tổng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng còn lại các mặt hàng khác như mì lát, bả đậu, phế liệu ... nhưng sản lượng không đáng kể.

Xí nghiệp Vận tải bộ:

Do chịu tác động của dịch bệnh cũng như tình trạng thiếu hụt container vào những tháng cuối năm nên trong năm 2020 Xí nghiệp Vận tải bộ gặp rất nhiều khó khăn. Trong năm 2020 sản lượng hàng hoá vận chuyển ghi nhận mức sụt giảm nghiêm trọng chỉ đạt 64,1% kế hoạch đề ra. Vì vậy doanh thu cũng chỉ đạt 78% kế hoạch đề ra tương đương 4,450 tỷ đồng.

Phòng Dịch vụ Tổng hợp

Doanh thu của Phòng Dịch vụ Tổng hợp chỉ đạt 87,5% kế hoạch. Lý giải cho doanh thu không đạt kế hoạch đề ra là do sự sụt giảm doanh thu cấp điện container do ảnh hưởng của dịch bệnh nên khách hàng không xuất khẩu được hàng ở các tháng đầu năm và thiếu container xuất khẩu ở các tháng cuối năm. Doanh thu các dịch vụ còn lại như: Cấp nước, cấp điện sinh hoạt, cốt lót, đổ rác đều vượt kế hoạch đề ra.



PHÂN TÍCH SWOT



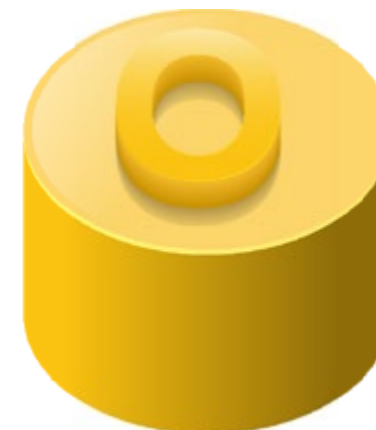
Điểm mạnh

Công ty đã trải qua hơn 35 năm hoạt động với nhiều kinh nghiệm trong công tác xếp dỡ, liên tục hoàn thiện cải tiến chất lượng dịch vụ đã được khách hàng tin tưởng, ủng hộ. Ngoài ra với việc mở rộng cơ cấu mặt hàng khai thác và khai thác hệ thống kho bãi tốt giúp công ty có nguồn khách hàng mới tiềm năng. Cùng với sự liên doanh liên kết chặt chẽ với các đơn vị logistics, sự hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước và sự quyết tâm của CB.CNV đã tạo nên sức mạnh để công ty phát triển ổn định và bền vững. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo của Công ty luôn theo dõi sát sao tình hình diễn biến của nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để có thể đưa ra các chính sách kịp thời và phù hợp với tình hình của công ty để từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.



Điểm yếu

Tình hình hoạt động kinh doanh của công ty vẫn còn khó khăn khi ngày càng gia tăng sự cạnh tranh giữa các cảng ở khu vực Sông Hậu. Ngoài ra, các tàu trọng tải lớn vẫn chưa được tiếp nhận vào Cảng để nhận hàng do mức nước thấp, do vậy Cảng chỉ tiếp nhận các tàu có trọng tải nhỏ vào nhận hàng xuất qua các nước trong khu vực Đông Nam Á chứ không đi các thị trường xa hơn được. Đồng thời các nước nhập khẩu đang tăng cường áp dụng các biện pháp phi thuế để bảo hộ mậu dịch để điều chỉnh hoạt động nhập gạo. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên Bộ Công Thương đã cho tạm dừng xuất khẩu gạo vào cuối tháng 3. Chính những điều này đã làm giảm sản lượng gạo thông qua Cảng và tạo áp lực về giá cước xếp dỡ và dịch vụ của Cảng. Ngoài ra, Cảng An Giang còn đối mặt với khó khăn về cơ sở hạ tầng như cầu tàu ngắn đã khai thác hết công suất; đường giao thông còn nhiều bất cập ảnh hưởng đến khai thác vận tải container của khu vực; bãi xếp, đóng, rút hàng còn chật hẹp,...



Cơ hội

Nền kinh tế Việt Nam không ngừng phát triển và tổng kim ngạch xuất nhập hàng hóa vẫn tiếp tục tăng mạnh. Bên cạnh đó, khi dự án cảng Mỹ Thới hoàn thành sẽ nâng công suất lên 4.750.000 tấn/ năm, song hành với đó luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu đã được thi công nạo vét vào tháng 08/2020, điều này gần như đã giải quyết được bài toán mà khu vực sông Hậu đối diện trong những năm qua khi chỉ cho phép các tàu có trọng tải nhỏ (5.000 tấn) hoạt động.



Thách thức

Việt Nam nằm trong vùng khí hậu chịu ảnh hưởng bởi nhiều cơn bão điều này làm gián đoạn hoạt động các tàu xuất hàng hóa sang các khu vực lân cận. Bên cạnh đó, với thời kỳ công nghệ ngày càng phát triển nhưng vấn đề còn tồn tại với CAG nói riêng và ngành Cảng biển nói chung là hệ thống trang thiết bị vẫn chưa được đầu tư hiện đại hóa. Đây là một thách thức lớn đối với CAG khi phải nghiên cứu để dần chuyển các thiết bị lạc hậu sang các thiết bị tự động hóa, công nghệ cao để khai thác được tối đa hiệu quả hoạt động.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	% Tăng/ Giảm	Tỷ trọng 2019	Tỷ trọng 2020
Tài sản ngắn hạn	58.286	64.296	10,31%	38,19%	41,88%
Tài sản dài hạn	94.342	89.231	-5,42%	61,81%	58,12%
Tổng tài sản	152.628	153.528	0,59%	100%	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán CTCP Cảng An Giang năm 2019, 2020

CƠ CẤU TÀI SẢN



Trong năm 2020, tổng tài sản của công ty chỉ tăng nhẹ 0,59%. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 10,31% và tài sản dài hạn giảm 5,42% nhưng tài sản dài hạn luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản đã dẫn đến mức tăng thấp trong tổng tài sản. Do nhu cầu vốn lưu động trong năm không tăng đột biến nên Công ty chủ trương gửi tiền vào ngân hàng, làm cho khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 14,29% so với 2019 và chiếm tỷ trọng 26% trong tổng tài sản. Bên cạnh đó, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm xuống còn 9.974 triệu đồng, tương ứng giảm 21,52% so với năm trước, điều này cho thấy công ty đang kiểm soát tốt chính sách tín dụng của mình. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu đến từ sự sụt giảm giá trị trong tài sản cố định — giảm 6,62%. Tình hình tài sản của công ty trong năm qua được thể hiện như sau:

Tình hình tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	83.925	33.946	40,45%
Máy móc thiết bị	6.649	1.279	19,24%
Phương tiện vận tải	94.213	35.720	37,91%
Cộng	184.787	70.945	38,39%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán CTCP Cảng An Giang năm 2019, 2020

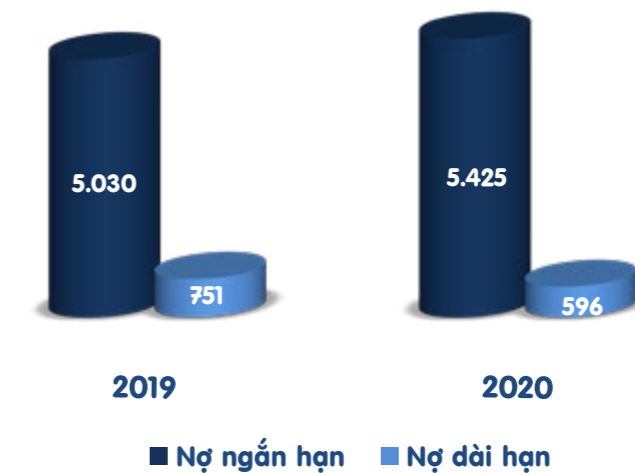
Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	TH 2020/ TH 2019	Tỷ trọng 2019	Tỷ trọng 2020
Nợ ngắn hạn	5.030	5.425	107,87%	87,01%	90,09%
Nợ dài hạn	751	596	79,42%	12,99%	9,91%
Tổng nợ phải trả	5.781	6.021	104,17%	100%	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán CTCP Cảng An Giang năm 2019, 2020

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ



Cơ cấu nợ của công ty trong năm gần như không có nhiều sự thay đổi so với 2019. Công ty luôn duy trì cơ cấu nợ ổn định khi nợ ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng cao trên tổng nợ với 90,09% trong năm 2020. Tổng nợ phải trả đã tăng lên 6.021 triệu đồng, tương ứng tăng 4,17%, nguyên nhân chủ yếu là do cả nợ ngắn hạn đều tăng. Cụ thể trong cơ cấu nợ ngắn hạn, mức tăng ấn tượng đến từ khoản mục quỹ khen thưởng, phúc lợi — tăng gấp 2 lần so với năm trước và trong năm 2020 đã kết chuyển doanh thu chưa thực hiện dài hạn sang ngắn hạn với giá trị 204 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty ưu tiên sử dụng nguồn vốn nội tại và hạn chế vay vốn từ bên ngoài, do vậy Công ty ít chịu áp lực lãi vay.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công tác quản lý khai thác điều hành

Trước tình hình khó khăn do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên Thế giới cũng như ở Việt Nam và chưa có dấu hiệu chấm dứt, vẫn còn nguy cơ bùng phát, lây nhiễm trong cộng đồng. Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thực hiện nghiêm các văn bản của Bộ GTVT, bộ Y tế về các biện pháp phòng chống dịch bệnh đảm bảo an toàn trong sản xuất. Cụ thể như:

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát, thực hiện nghiêm túc các biện pháp về phòng chống dịch Covid-19 tại Cảng biển, tuyên truyền CBCNV thực hiện nghiêm yêu cầu 5K: "Khẩu trang- Khử khuẩn- Khoảng cách- Không tụ tập- Khai báo y tế" trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo khuyến cáo của Bộ Y tế
- Chủ động phối hợp với Cảng vụ, Biên phòng, Kiểm dịch, Y tế...Hướng dẫn các biện pháp phòng chống dịch Covid-19. Đảm bảo thuận lợi cho hoạt động sản xuất và bảo vệ sức khỏe cho CBCNV người lao động.
- Rà soát phát hiện kịp thời các trường hợp có nguy cơ lây nhiễm, khai báo y tế để cách ly kịp thời không để lây lan.

Công tác khai thác hàng hóa: Tiếp tục đẩy mạnh công tác khai thác hàng hóa, luôn quan tâm, chăm sóc và nâng cao mối quan hệ gắn bó với khách hàng truyền thống, có chính sách ưu đãi, hậu mãi để giữ vững khách hàng. Theo dõi sát tình hình biến động của thị trường và chủ động trước tình hình thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt để có những chính sách điều chỉnh hợp lý, kịp thời trong từng giai đoạn, thời kỳ, đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng thương hiệu để giữ vững và mở rộng thị phần. Ngoài ra, các tổ khai thác luôn tìm kiếm khách hàng mới, nghiên cứu và khảo sát mặt hàng mới để khai thác bù đắp sự sụt giảm sản lượng của các mặt hàng phân bón, clinker, gỗ...trong thời gian tới.

Chủ động xây dựng phương án kinh doanh, có cơ chế chính sách giá phù hợp với từng thời kỳ trong năm để thu hút khách hàng. Tiến hành rà soát, điều chỉnh giá thành và triển khai các giải pháp tiết kiệm, giảm chi phí đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu SXKD của Công ty.

Công tác kiểm soát, tiết kiệm chi phí luôn được quan tâm và chỉ đạo sát sao. Trong điều kiện nguồn hàng còn nhiều khó khăn, mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng thì việc tiết kiệm chi phí là biện pháp hữu hiệu giúp phòng ngừa rủi ro và hỗ trợ các chương trình phát triển và thu nhập cho người lao động. Tại các cuộc họp giao ban Tổng Giám đốc Công ty dành thời gian tập trung phân tích và có những chỉ đạo về công tác tiết kiệm chi phí. Vì vậy hạn chế tối đa các khoản chi phí chưa cần thiết góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

Công tác tổ chức điều hành sản xuất khoa học, hợp lý, đảm bảo năng suất, giải phóng nhanh phương tiện, hàng hóa cho khách hàng. Thực hiện giải phóng tàu theo yêu cầu của khách hàng, đúng kế hoạch, không để xảy ra tình trạng tàu chờ. Bố trí cầu bến phù hợp theo yêu cầu sản xuất của công ty, chủ động bố trí tàu lai phục vụ tàu ra vào cầu, bến phao an toàn. Tận dụng khai thác tối đa cầu bến, phao neo.

Tổ chức sản xuất hợp lý, điều động phương tiện sản xuất phù hợp với công việc cụ thể của từng mặt hàng nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí sản xuất. Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các phương tiện, thiết bị sản xuất nhằm kịp thời phát hiện những hư hỏng để sửa chữa tránh bị động trong sản xuất. Điều phối phương tiện, nhân sự giữa các Xí nghiệp. Căn cứ vào lượng hàng hóa, tính chất hàng hóa, tình trạng hoạt động của phương tiện, thiết bị sản xuất của từng Xí nghiệp và tính năng của từng phương tiện, thiết bị. Công ty đã thực hiện điều chuyển tạm thời phương tiện, thiết bị và nhân sự giữa các Xí nghiệp nhằm tận dụng hiệu quả nhất nguồn lực của cảng.

Phòng dịch vụ tổng hợp kết hợp với tổ khai thác hàng hóa bán sát chủ tàu, các đại lý hàng hải để tiếp thị và cung cấp các dịch vụ hàng hải như: nước ngọt, cốt lốt, đồ rác và các dịch vụ hàng hải khác theo yêu cầu của khách hàng.

Tiếp tục tập trung đổi mới công tác quản trị, phương pháp điều hành, tập trung rà soát lại các khoản chi phí, tiết kiệm chi phí, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

Đầu tuần Tổng Giám đốc Công ty họp giao ban với Ban điều hành và lãnh đạo các phòng chuyên môn nghiệp vụ của công ty, giám đốc các Xí nghiệp để nắm lại tình hình sản xuất kinh doanh, đồng thời có những chỉ đạo kịp thời để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công tác quản lý kỹ thuật – đầu tư xây dựng

Công tác bảo trì, sửa chữa được duy trì thường xuyên, xưởng sửa chữa đảm bảo công tác bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời các phương tiện sản xuất không để bị động trong sản xuất. Không kể giờ giấc khi nào cần bộ phận kỹ thuật cũng có mặt để khắc phục phương tiện kịp thời, nhất là các phương tiện xuất nhập container bị sự cố vào ban đêm.

Công tác chuyên môn kỹ thuật, thực hành tiết kiệm luôn được quan tâm, đơn đốc thực hiện nghiêm túc. Tiến hành triển khai tiết kiệm nhiên liệu, vật liệu trên cơ sở định mức kỹ thuật. Rà soát các dự toán sửa chữa phương tiện sản xuất và dự án đầu tư mua sắm, xây dựng và bảo dưỡng phương tiện trước khi trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Mọi công tác đầu tư mua sắm đều được thực hiện theo đúng quy trình thủ tục của pháp luật và dựa trên nhu cầu của công ty. Trong năm Công ty đã mua sắm 1 cần trục bánh xích và 02 máy đào bánh xích với tổng giá trị là: 3.356.532.000 đồng.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn chưa chấm dứt hoàn toàn và hiện tại luồng cho tàu lớn vào sông Hậu vẫn chưa thông thoáng còn giới hạn bởi mớn nước thấp, tàu lớn không vào được, chỉ tiếp nhận các tàu có trọng tải nhỏ vào nhận hàng xuất qua các nước trong khu vực Đông Nam Á, sự thiếu hụt vỏ container, sự cạnh tranh của các Cảng trong khu vực, thời tiết không ổn định cũng làm ảnh hưởng đến năng xuất xếp dỡ hàng hóa, đóng container gạo và thời gian quay vòng của các tàu.

Tuy nhiên, với nhiều năm kinh nghiệm trong công tác xếp dỡ, được khách hàng tin tưởng, ủng hộ và sự liên doanh liên kết chặt chẽ với các đơn vị logistic cùng với sự hỗ trợ của các cơ quan hữu quan và sự quyết tâm của toàn thể CBCNV, Công ty đề ra kế hoạch sản xuất cho năm 2021 như sau:

SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA
1.610.000 Tấn

TỔNG DOANH THU
63,5 tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
5,9 tỷ đồng

NỢ NGÂN SÁCH
7,2 tỷ đồng

BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Để đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra, trong năm 2021 Công ty sẽ tập trung triển khai việc đổi mới mạnh mẽ công tác thị trường, lấy khách hàng làm trung tâm trong mọi hoạt động của Cảng, nắm bắt kịp thời thông tin khách hàng để đề ra chiến lược khai thác, hợp lý hóa trong khai thác, điều hành sản xuất và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tăng thị phần và phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn.

Tiếp tục hoàn thiện công tác tái cơ cấu một cách toàn diện, sử dụng lao động hợp lý, đào tạo bổ sung tay nghề cho CBCNV trong toàn Công ty. Đồng thời tập trung tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển, mở rộng kho bãi, hợp tác lâu dài với các khách hàng nhằm đáp ứng sự tăng trưởng hàng hoá qua cảng. Ngoài ra, phát huy truyền thống “Đoàn kết - Sáng tạo”, cán bộ công nhân Công ty cổ phần Cảng An Giang sẽ tiếp tục phấn đấu đạt thành tích cao hơn trong năm 2021.

Tăng cường công tác quản lý, rà soát, sắp xếp lại nhân sự phù hợp nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí mang lại hiệu quả cao trong SXKD. Tăng cường công tác phối hợp giữa các phòng, ban, xí nghiệp nhằm quản lý điều hành sản xuất một cách khoa học, tiết kiệm. Quản lý chặt chi phí nhằm giảm giá thành. Thu hồi công nợ kịp thời, không để phát sinh nợ khó đòi. Đồng thời kiểm tra công tác quản lý kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường... và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác khai thác, quản lý, thống kê.

Tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước như Cảng Vụ, Hải Quan, Biên Phòng, Kiểm dịch y tế quốc tế... trong việc phòng chống dịch bệnh và trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tập trung khai thác các mặt hàng thế mạnh như gạo xuất khẩu theo hợp đồng thương mại. Xây dựng chiến lược cạnh tranh với các Cảng lân cận để thu hút khách hàng, tăng cường công tác kiểm tra giám sát các hành vi những nhiễu, tiêu cực làm ảnh hưởng đến uy tín của Cảng.

Kết hợp với các đơn vị Logistic khai thác thêm nhiều khách hàng mới, nhất là các khách hàng tiềm năng xuất khẩu gạo tại địa phương và các khu vực lân cận để đóng hàng container tại Cảng cũng như vận chuyển container đóng hàng tại kho của khách hàng bằng đường bộ.

Tập trung khai thác các dịch vụ cung ứng tàu biển như: Cấp nhiên liệu, Cốt lót, cấp nước, đổ rác và các dịch vụ hàng hải khác.

Tập trung kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên các phương tiện sản xuất, nhằm phát hiện kịp thời những hư hỏng để khắc phục đưa vào sản xuất. Kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng công cụ dụng cụ sản xuất, đề ra giải pháp sử dụng tiết kiệm công cụ dụng cụ sản xuất làm giảm tối đa chi phí sản xuất cho Công ty.

Xí Nghiệp Cảng Mỹ Thới phân công công việc hợp lý, điều động phương tiện sản xuất phù hợp để giải phóng nhanh hàng hóa cho khách hàng. Quản lý chặt chẽ các đội CNXD thủ công trong việc xếp dỡ hàng hóa, tránh những nhiễu, tiêu cực làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty.

Xí nghiệp Cảng Bình Long tăng cường khai thác hàng hóa xếp dỡ, hàng hóa lưu kho, khai thác triệt để nhu cầu bốc xếp vận chuyển hàng hóa của các khách hàng ở khu công nghiệp Bình Long.

Xí nghiệp Vận Tải Bộ cùng với phòng Kế Hoạch khai thác hàng hóa vận chuyển container về kho khách hàng đóng hàng và mở rộng khu vực vận chuyển ra các khu công nghiệp ở các tỉnh lân cận.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường

Vấn đề về ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu là một trong những vấn đề cấp bách mang tính toàn cầu. Tình trạng diễn biến phức tạp của ô nhiễm môi trường gây ra nhiều bức xúc trong người dân. Trong khi đó, hoạt động của các hệ thống cảng biển lại có những tác động đến môi trường. Các hoạt động như sửa chữa nhỏ, cung cấp dầu mỡ, nhiên liệu cho các chủ tàu, v.v... gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn nước tại các cảng biển. Bên cạnh đó, việc rò rỉ các chất thải, hóa chất tác động trực tiếp và gây ra hậu quả nghiêm trọng đối với môi trường. Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của các ban ngành, cũng như của chính phủ về việc bảo vệ môi trường. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn đề cao ý thức bảo vệ môi trường, hạn chế gây ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống sinh hoạt của người dân vùng lân cận. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi dọn dẹp vệ sinh để nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên Công ty trong việc bảo vệ môi trường. Không chỉ thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, Công ty còn thực hiện các chính sách tiết kiệm điện, nước, nguyên vật liệu, v.v... để có thể bảo vệ được nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần cạn kiệt.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, Công ty không những duy trì môi trường phát triển kinh doanh minh bạch, ổn định mà còn hướng về cộng đồng với mong muốn đóng góp một phần trách nhiệm, chung tay góp phần phát triển cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn cho người dân. Nhằm giúp đỡ và chung tay chia sẻ vì cộng đồng, năm qua CAG đã thực hiện các công tác xã hội cộng đồng, tổ chức các hoạt động nhân ái, đền ơn đáp nghĩa đầy tinh nhân văn, chung tay làm chia sẻ khó khăn cho xã hội. Các công tác thiện nguyện trở thành chương trình hành động của Công ty như chương trình học bổng cho sinh viên nghèo hiếu học, viếng thăm các trung tâm nuôi dưỡng người già neo đơn, trẻ mồ côi, khuyết tật, và các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, vạn tấm lòng vàng, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ chiến sĩ vùng biển đảo. v.v... Tham gia các chương trình thiện nguyện chính là những bài học thiết thực cho CBCNV về đạo đức, tinh thần đùm bọc, sẻ chia, ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng. Điều này vô hình trung trở thành phẩm chất không thể thiếu của những con người làm công tác dịch vụ.



CHƯƠNG IV

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- » ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- » CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

“
Lợi nhuận sau thuế
4.586 Triệu đồng
vượt **9,19%** kế hoạch
”

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2020	TH 2020 / KH 2020
Sản lượng thông qua (tấn)	1.610.000	1.586.000	98,49%
Tổng doanh thu	62.300	59.810	96,00%
Lợi nhuận trước thuế	5.250	5.371	102,30%
Lợi nhuận sau thuế	4.200	4.586	109,19%
Nộp ngân sách	6.872	6.948	101,11%

Chỉ tiêu	2019	So với DTT năm 2019	2020	So với DTT năm 2020
Giá vốn hàng bán	55.587	79,82%	43.467	76,07%
Chi phí tài chính	36	0,05%	404	0,71%
Chi phí bán hàng	1.533	2,20%	1.526	2,67%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.910	12,80%	9.042	15,82%
Tổng	66.066	94,87%	54.439	95,27%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán CTCP Cảng An Giang năm 2019, 2020

Năm 2020 là năm đánh dấu sự tăng trưởng vượt bậc của ngành xuất khẩu gạo khi giá trị xuất khẩu tăng 9,3% và hoàn thành mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực và mục tiêu xuất khẩu gạo. Bên cạnh đó, ngành gạo còn phải chịu tác động tiêu cực từ diễn biến thất thường của thời tiết, xâm nhập mặn, mất mùa cộng với chính sách lương thực tại một số quốc gia đã gây ra nhiều khó khăn, thách thức đến hoạt động của công ty. Tổng kết năm 2020 Công ty gặp nhiều khó khăn, do dịch bệnh diễn biến phức tạp, giá cả thất thường, gây khó khăn cho hàng hóa xuất nhập qua cảng, nhất là các mặt hàng nông thủy sản chủ lực của tỉnh An Giang.

Kết thúc năm tài chính 2020, về cơ bản Công ty đã hoàn thành 2 chỉ tiêu lợi nhuận mà ĐHQĐ thường niên năm 2020 đề ra. Mặc dù chỉ tiêu tổng doanh thu chỉ đạt 96% so với kế hoạch, nhưng trước tình hình khó khăn và diễn biến phức tạp của nền kinh tế đã cho thấy nỗ lực của HĐQT, Ban lãnh đạo trong công tác chỉ đạo để tổng doanh thu tiến gần với kế hoạch đề ra.

Trong năm qua, công ty gia tăng trích lập dự phòng chi phí tài chính, cụ thể là khoản đầu tư góp vốn vào CTCP dầu khí Mê Kông, điều này đã làm tăng tổng mức chi phí hoạt động so với doanh thu thuần lên 95,27%. Đối với công tác đầu tư các dự án trong năm đều được tính toán kỹ lưỡng nhằm đảm bảo cân đối giữa tính hiệu quả của dự án và chi phí sử dụng vốn, đảm bảo dòng tiền khả dụng kịp thời theo tiến độ dự án. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực và công tác điều hành linh hoạt, quyết liệt, kịp thời của Ban Tổng Giám đốc để đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 nhìn chung đạt mục tiêu lợi nhuận đã đề ra, tuy nhiên doanh thu vẫn chưa đạt kế hoạch. Qua đó cho thấy, Ban Tổng Giám đốc cần phải cẩn trọng hơn trước bối cảnh kinh doanh còn nhiều thách thức. Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh khốc liệt, các doanh nghiệp vận tải còn gặp nhiều khó khăn, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị và theo dõi, đánh giá tình hình thị trường để đề xuất các giải pháp phù hợp với Hội đồng quản trị để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp. Ban Tổng Giám đốc cũng xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

Công tác giám sát tuân thủ các chỉ đạo điều hành của HĐQT năm 2020 tiếp tục được chú trọng thực hiện đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, tất cả các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT được giám sát chặt chẽ, thường xuyên và đảm bảo công bố thông tin đầy đủ, minh bạch, chính xác và kịp thời đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giám sát, HĐQT Công ty nhận thấy: Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng thường niên, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tạo được sự ổn định và đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có lãi và có tích lũy, đảm bảo cổ tức cho cổ đông, đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên và người lao động yên tâm công tác.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ vào tình hình thực tế và kết quả đạt được trong năm 2020, HĐQT đưa ra kế hoạch, phương án triển khai kế hoạch 2021 để duy trì tình hình hoạt động kinh doanh và khẳng định vị thế của Công ty



Sản lượng hàng hóa thông qua:	1.610.000 tấn
Tổng doanh thu:	63,5 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế:	5,9 tỷ đồng
Nộp ngân sách:	7,2 tỷ đồng

Phương hướng triển khai kế hoạch

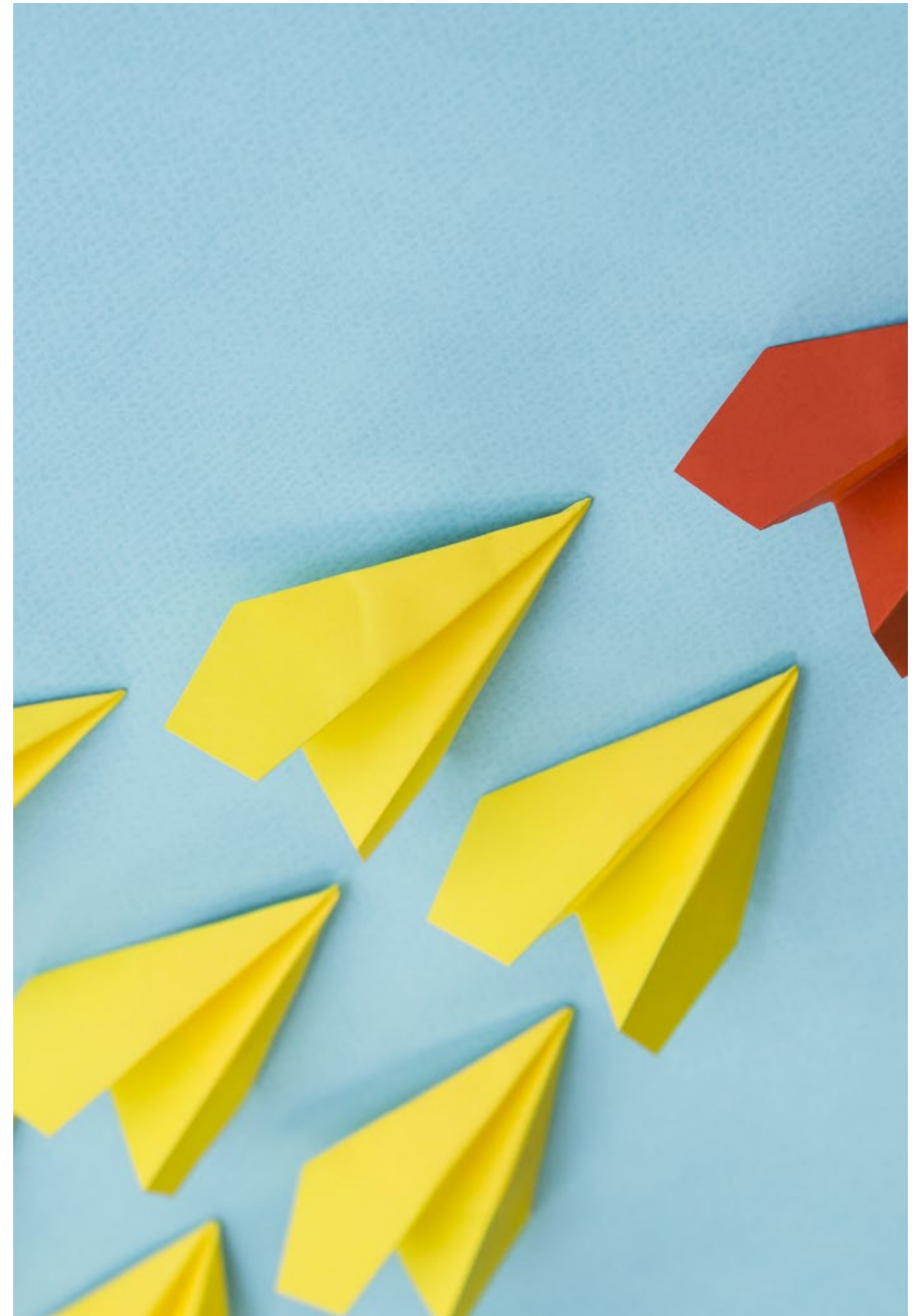


Qua kết quả SXKD nhiều năm của công ty, HĐQT xác định chiến lược SXKD là phát triển cung ứng dịch vụ bốc xếp hàng hóa. Vì vậy, HĐQT tập trung chỉ đạo nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động để gia tăng năng lực cạnh tranh và uy tín của cảng An Giang; tìm kiếm và mở rộng thị phần gắn với xây dựng đầu tư cơ sở hạ tầng Dự án mở rộng cảng.



Đẩy mạnh và làm tốt công tác tiếp thị đối với 02 mặt hàng chiến lược hiện nay là gạo đóng Container và gạo xuất khẩu. Bên cạnh có chính sách chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ tạo uy tín với chủ hàng, chủ tàu đến cảng, xây dựng và phát triển thương hiệu mạnh để giữ vững và mở rộng thị phần cho công ty.

- » Áp dụng các biện pháp tích cực để thu hồi nợ đọng; bảo toàn và phát triển vốn, đáp ứng được yêu cầu về sản xuất và đầu tư.
- » Đẩy mạnh các dịch vụ logistics, mở rộng bến bãi đóng rút hàng hóa container nằm trong phương án xây dựng bờ kè bảo vệ bến, bãi (khoảng 4.500m²) đã thực hiện, để nâng cao năng lực cạnh tranh.
- » Từng bước tạo quỹ đất sạch trong Dự án mở rộng cảng, sau đó tiến hành xây dựng từng hạng mục phù hợp với nhu cầu phát triển và tính hiệu quả của dự án. Song song mở rộng thị phần để tạo nguồn hàng ổn định, tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty.
- » Thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí đặc biệt là chi phí nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng vật tư, chi phí quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.
- » Quản lý và sử dụng linh hoạt, hợp lý lao động trên cơ sở khối lượng công việc hiện có, bên cạnh gắn liền quyền lợi với kết quả công việc nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất hiệu quả công tác.



CHƯƠNG V

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- » HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- » BAN KIỂM SOÁT
- » CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị (tại 31/12/2020)

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị hoạt động với 7 thành viên gồm 1 Chủ tịch HĐQT, 1 Phó chủ tịch HĐQT và 5 thành viên HĐQT. Mỗi thành viên trong HĐQT đều nắm bắt tốt tình hình hoạt động kinh doanh diễn ra trong công ty để có thể phối hợp, cùng nhau đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời để hoàn thành tốt kế hoạch trong năm, cũng như khắc phục các vấn đề mà công ty đang đối mặt.

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú	Số lượng CP sở hữu và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Việt Thành	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	2.760.000	20%
2	Bùi Thành Hiệp	Phó chủ tịch HĐQT	Tổng Giám đốc	1.796.400	13,02%
3	Trần Văn Cam	Thành viên HĐQT	Phó Tổng Giám đốc	1.519.200	11%
4	Trần Tấn Phong	Thành viên HĐQT	Phó Tổng Giám đốc	1.240.900	8,99%
5	Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	Không điều hành	1.579.000	11,44%
6	Lê Văn Phúc	Thành viên HĐQT	Không điều hành	529.000	3,83%
7	Nguyễn Việt Hùng	Thành viên HĐQT	Độc lập	0	0%

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị



Ông Lê Việt Thành – Chủ tịch HĐQT

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Kỹ sư kinh tế vận tải biển; Bằng quản lý rủi ro và doanh nghiệp bảo hiểm.

Quá trình công tác:

- 1992 - 1993: Nhân viên giao nhận Công ty Giao nhận và xếp dỡ kho bãi Nhà Bè.
- 1993 - 1994: Kế toán viên Xí nghiệp In Hải quan, Tổng Cục Hải quan.
- 1994 - 2005: Chuyên viên BH Hỏa hoạn & Tài sản kỹ thuật; Phó phòng BH Hỏa hoạn & Tài sản kỹ thuật; Trưởng phòng BH Nghiệp vụ Bảo Minh Sài Gòn; Trưởng phòng bồi thường Công ty Bảo hiểm TP.Hồ Chí Minh.
- 2005 - 2007: Phó Tổng giám đốc CTCP Bảo hiểm AAA.
- 2007 - nay: Phó Giám đốc; Đảng ủy viên; Bí thư chi bộ chi nhánh khu vực phía Nam - Tổng Cty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước.
- 2009 - 2014: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bảo Minh.
- 2010 - 2015: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh.
- 2010 - 2016: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm TV PHARM.
- 2013 - 2016: Chủ tịch Hội đồng thành viên; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác Khoáng sản Bà Rịa-Vũng Tàu.
- 2012 - 06/2015: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Kho vận Miền Nam (Sotrans).
- 05/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng An Giang.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ.
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác và Chế Biến đá An Giang.

Số lượng cổ phần sở hữu:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: đại diện cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC): 2.760.000 cổ phiếu (chiếm 20% vốn điều lệ).



Ông Nguyễn Quốc Bảo – Thành viên HĐQT

Trình độ học vấn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- 2011 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Cảng An Giang.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

Số lượng cổ phần sở hữu:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).
- + Đại diện sở hữu: đại diện cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hùng Anh: 1.579.000 cổ phiếu (chiếm 11,44% vốn điều lệ).



Ông Lê Văn Phúc – Thành viên HĐQT

Trình độ học vấn: Cử nhân Luật.

Quá trình công tác:

- 1975: Giáo viên, cán bộ Phòng giáo dục Huyện Châu Thành, An Giang.
- 1978: Tham gia quân đội.
- 1983: Chuyển ngành về Công ty Xuất khẩu Long Xuyên.
- 1986: Phó Giám đốc Công ty Lâm sản TP, Long Xuyên.
- 1990: Làm việc tại Công ty Vật tư Tổng hợp An Giang.
- 1994: Phó Phòng TCHN Công ty Xăng dầu An Giang.
- 2005: Phó Trưởng ban Phát triển Cửa hàng Công ty Xăng dầu An Giang.
- 2010: Trợ lý BGĐ về pháp luật Công ty Xăng dầu An Giang, Luật sư doanh nghiệp (Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang).
- 04/2011 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Cảng An Giang.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Trưởng Văn phòng luật sư Lê Văn Phúc - Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

Số lượng cổ phần sở hữu:

- + Sở hữu cá nhân: 529.000 cổ phiếu (chiếm 3,83% vốn điều lệ).
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).



Ông Lê Văn Phúc – Thành viên HĐQT

Trình độ học vấn: Kỹ sư Cơ khí.

Quá trình công tác:

- 1969 - 1972: Chiến sĩ tình nguyện An Giang.
- 1972 - 1975: Trường học sinh Miền Nam.
- 1982 - 2000: Phó Giám đốc Cảng Mỹ Thới, Giám đốc Cảng Mỹ Thới, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải An Giang, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải An Giang.
- 2000 - 2010: Bí thư Thành ủy Thành phố Long Xuyên.
- 2011 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Cảng An Giang.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

Số lượng cổ phần sở hữu:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).

Sơ yếu lý lịch của Ông Bùi Thành Hiệp; Ông Trần Văn Cam và Ông Trần Tấn Phong được trình bày chi tiết tại trang 28 - 30.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp và các thành viên tham dự họp đạt tỷ lệ 100%. Đồng thời các Nghị quyết, Quyết định thông qua tại các phiên họp, đều được sự nhất trí cao của các thành viên, nội dung mang tính chỉ đạo, định hướng để Ban điều hành cùng CBCNV, người lao động thực hiện nghiêm túc.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lê Việt Thành	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%
2	Bùi Thành Hiệp	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	04/04	100%
3	Trần Văn Cam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	04/04	100%
4	Trần Tấn Phong	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	04/04	100%
5	Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	04/04	100%
6	Lê Văn Phúc	Thành viên HĐQT	04/04	100%
7	Nguyễn Việt Hùng	Thành viên HĐQT	04/04	100%



Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	24/NQ-HĐQT	12/03/2020	<p>1. Thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020.</p> <p>2. Thống nhất thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2020.</p> <p>3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020.</p> <p>4. Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.</p> <p>5. Thống nhất thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019.</p> <p>6. Thống nhất thông qua Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2019.</p> <p>7. Thống nhất thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với một số chỉ tiêu chính.</p> <p>8. Thống nhất thông qua Kế hoạch quỹ tiền lương thực hiện năm 2020.</p> <p>9. Thống nhất thông qua thù lao đã chi trả cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát công ty năm 2019 theo tờ trình và Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020.</p> <p>10. Thống nhất thông qua Tờ trình việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm tài chính 2020. Giao Ban kiểm soát xây dựng tiêu chí phù hợp để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty có danh sách các đơn vị kiểm toán được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận năm 2020.</p> <p>11. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.</p> <p>12. Thống nhất Tờ trình về việc hợp tác đầu tư cho dự án điện mặt trời. Giao Tổng Giám đốc chủ động đàm phán với đối tác để ký hợp đồng, đảm bảo đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.</p>
2	25/NQ-HĐQT	08/05/2020	<p>1. Thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị 06 tháng đầu năm 2020.</p> <p>2. Thống nhất thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2020 và kế hoạch triển khai 06 tháng cuối năm 2020.</p> <p>3. Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 đã được kiểm toán soát xét.</p> <p>4. Thông qua Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về thẩm tra Báo cáo tài chính và tình hình hoạt động quản trị 6 tháng 2020.</p>
3	27/NQ-HĐQT	15/09/2020	<p>1. Thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị 06 tháng đầu năm 2020.</p> <p>2. Thống nhất thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2020 và kế hoạch triển khai 06 tháng cuối năm 2020.</p> <p>3. Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 đã được kiểm toán soát xét.</p> <p>4. Thông qua Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về thẩm tra Báo cáo tài chính và tình hình hoạt động quản trị 6 tháng 2020.</p>



BAN KIỂM SOÁT



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>1. Thống nhất thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD 09 tháng đầu năm 2020 và Kế hoạch triển khai quý IV năm 2020.</p> <p>2. Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2020 do Công ty lập.</p> <p>3. Thống nhất Báo cáo của Ban Kiểm soát về đánh giá hoạt động quản trị và điều hành tại Công ty 09 tháng đầu năm 2020.</p> <p>4. Về vấn đề cho thuê mái nhà kho tại Cảng Mỹ Thới, Cảng Bình Long để lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời, Hội đồng quản trị thông qua nội dung như sau:</p> <p>4.1. Thống nhất cho thuê mái kho để bên thuê thực hiện việc lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời.</p> <p>4.2. Thống nhất cho CTCP Tập đoàn điện mặt trời Miền Nam thuê mái kho để thực hiện việc lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời.</p> <p>4.3. Giao Tổng Giám đốc chủ động: Đánh giá thêm tác động ảnh hưởng của việc lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời đến hoạt động nhà kho trong trung hạn và dài hạn; Rà soát hồ sơ pháp lý của nhà xưởng đảm bảo đủ điều kiện cho thuê; Chủ động đàm phán và thực hiện ký hợp đồng với CTCP Tập đoàn điện mặt trời Miền Nam theo các điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian cho thuê 20 năm; Đơn giá cả cho thuê mái kho tối thiểu 60.000 đồng/m²/năm + 10% VAT. Tiền đặt cọc: 05 năm x tổng giá trị tiền thuê mái một năm. + Dựa trên nội dung dự thảo đã trình tại cuộc họp HĐQT ngày 18/11/2020, tiếp tục rà soát, đàm phán và bổ sung quy định có liên quan để hoàn thiện các điều kiện ràng buộc trách nhiệm các bên và ký hợp đồng theo đúng quy định pháp luật. + Báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng quản trị.
5	01/QĐ-HĐQT	25/05/2020	Về việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020.
6	02/QĐ-HĐQT	25/05/2020	Về việc thành lập Ban Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020.
7	03/QĐ-HĐQT	18/06/2019	Về việc Chi trả cổ tức bằng tiền đối với cổ phiếu Công ty CP Cảng An Giang.
8	04/QĐ-HĐQT	18/06/2019	Về việc Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2019.
9	05/QĐ-HĐQT	18/06/2019	Về việc Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
10	06/QĐ-HĐQT	18/06/2019	Về việc Giao quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập đóng vai trò tham mưu, giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành một cách khách quan, công bằng và đảm bảo tránh các xung đột lợi ích xảy ra. Trong năm 2020, thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty đã tham gia các cuộc họp của HĐQT để đóng góp ý kiến, đề xuất định hướng phát triển, kế hoạch kinh doanh của công ty; đồng thời theo dõi hoạt động và lập báo cáo hàng tháng về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát Ban Tổng Giám đốc gửi các thành viên của HĐQT theo Điều lệ của Công ty.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

Danh sách Kiểm soát viên

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng ban	2.700	0,02%
2	Trần Thị Thu Trà	Kiểm soát viên	0	0%
3	Trần Thị Thúy Hạnh	Kiểm soát viên	400	0,00%

Lý lịch Ban Kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Bạch Mai – Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ học vấn: Cử nhân Tài chính - Kế toán.

Quá trình công tác:

- 1993 -1994: Phó Phòng Kế toán Cảng Mỹ Thới.
- 1994 -2001: Kế toán trưởng Cảng Mỹ Thới.
- 2001 - 2010: Phó Giám đốc Cảng Mỹ Thới.
- 04/2011 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Trưởng ban thu hồi công nợ CTCP Cảng An Giang.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Phó Bí thư - Đảng ủy CTCP Cảng An Giang.

Số lượng cổ phần sở hữu:

- Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phiếu (chiếm 0,02% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).



Bà Trần Thị Thu Trà – Kiểm soát viên

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế.

Quá trình công tác:

- 04/2004 - 12/2006: Chuyên viên tín dụng Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
- 01/2007 - 06/2008: Phó Giám đốc Tài chính - thành viên HĐQT CTCP Bảo hiểm Bảo Tín.
- 04/2011 - 03/2014: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ khí Ngân hàng.
- 04/2012 - 2016: Thành viên HĐQT CTCP Thủy Sản Cửu Long.
- 07/2008 - nay: Chuyên viên đầu tư Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chi nhánh khu vực phía Nam.
- 05/2016 - nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cảng An Giang.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

Số lượng cổ phần sở hữu:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).

**Bà Trần Thị Thúy Hạnh – Kiểm soát viên****Trình độ học vấn:** Cử nhân Anh văn.**Quá trình công tác:**

- 2006 - 2012: Nhân viên phòng Kế hoạch CTCP Cảng An Giang.
- 04/2012 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Nhân viên phòng Kế hoạch CTCP Cảng An Giang.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.**Số lượng cổ phần sở hữu:**

- Sở hữu cá nhân: 400 cổ phiếu (chiếm 0,003% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng ban	04/04	100%
2	Trần Thị Thu Trà	Kiểm soát viên	04/04	100%
3	Trần Thị Thúy Hạnh	Kiểm soát viên	04/04	100%

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông**Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông**

➢ Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát đã đóng góp ý kiến liên quan đến các quyết định để bảo đảm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

➢ Trong năm qua, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hàng tuần tham gia họp giao ban để theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT, để báo cáo tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát đối với Công ty.
- Thường xuyên đóng góp ý kiến, kiến nghị nhằm hoàn thiện các chính sách, quy trình, quy chế để nâng cao năng lực của Ban điều hành Công ty.
- Ban Kiểm soát họp xem xét báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2020 để đánh giá việc điều hành và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc trước khi họp Hội đồng quản trị.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát phối hợp, tư vấn với các phòng ban chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc giao phó.
- Các biên bản, nghị quyết của HĐQT đều gửi cho Ban Kiểm soát để cập nhật và đưa ra ý kiến góp ý kịp thời.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc năm 2020

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thù lao / tháng	Thưởng
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Lê Việt Thành	Chủ tịch HĐQT	6.000.000	-
2	Bùi Thành Hiệp	Phó chủ tịch HĐQT	5.000.000	-
3	Trần Văn Cam	Thành viên HĐQT	4.000.000	-
4	Trần Tấn Phong	Thành viên HĐQT	4.000.000	-
5	Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	4.000.000	-
6	Lê Văn Phúc	Thành viên HĐQT	4.000.000	-
7	Nguyễn Việt Hùng	Thành viên HĐQT	4.000.000	-
BAN KIỂM SOÁT				
1	Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng ban	-	-
2	Trần Thị Thu Trà	Thành viên	2.000.000	-
3	Trần Thị Thúy Hạnh	Thành viên	2.000.000	-
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Bùi Thành Hiệp	Tổng Giám đốc	45.966.663	32.158.298
2	Trần Văn Cam	Phó Tổng Giám đốc	24.625.001	17.227.659
3	Trần Tấn Phong	Phó Tổng Giám đốc	24.625.001	17.227.659
4	Nguyễn Văn Cơ	Kế toán trưởng	22.983.335	16.079.149
5	Nguyễn Thị Bạch Mai	Trưởng Ban Kiểm soát	13.000.000	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung	Giá trị (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	Bán hàng	86.189.507
2	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Công ty mẹ	Chia cổ tức	1.599.046.920

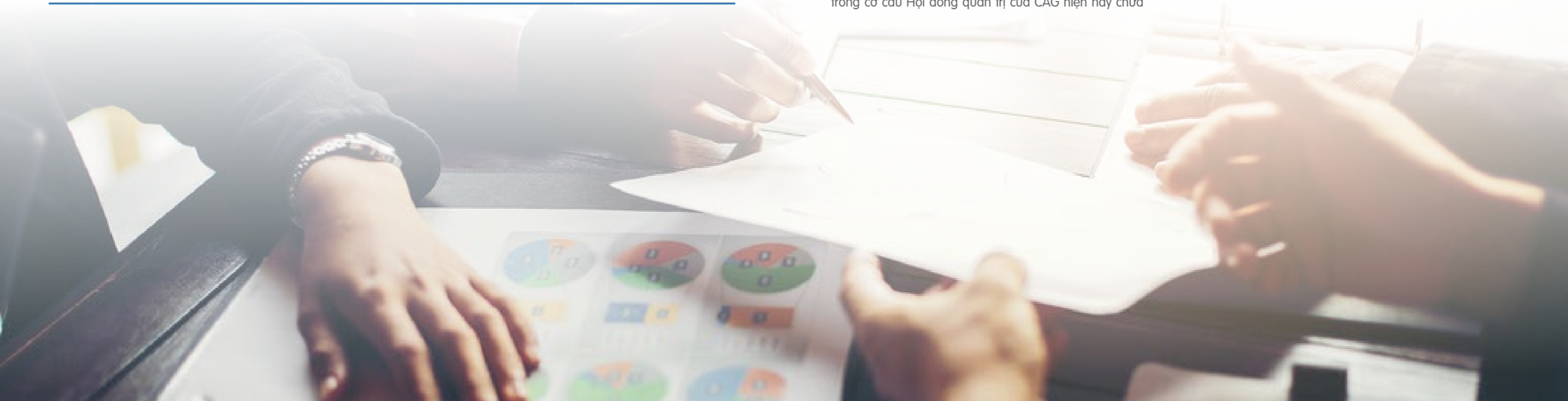
Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công tác quản trị công ty được xem là yếu tố cốt lõi để CTCP Cảng An giang phát triển bền vững trong dài hạn. Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng một cơ cấu quản trị vững mạnh, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra một cách suôn sẻ nhất, chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả nhằm theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty, cổ đông và các bên liên quan, cũng như khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.

Căn cứ theo điểm b Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Do vậy trong cơ cấu Hội đồng quản trị của CAG hiện nay chưa

đáp ứng được yêu cầu của quy định trên. Nhằm tuân thủ Luật Doanh nghiệp và các quy định trên đối với công ty đại chúng, Công ty đang nỗ lực kiện toàn lại thành phần Hội đồng quản trị theo đúng quy định tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường nâng cao kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo thông báo của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán, và các cơ quan liên quan. Từ đó, nâng cao vai trò của bộ máy quản trị công ty, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, thúc đẩy khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



CHƯƠNG VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020

- » Ý KIẾN KIỂM TOÁN
- » BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020



Số: 21004 /TC-VAE-HCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng An Giang, được lập ngày 14 tháng 01 năm 2021, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng An Giang cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Cần Thơ. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 10 tháng 03 năm 2020.

**Huỳnh Văn Dũng**

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0047-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho,

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

Au Dương Uyên Phần

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1347-2018-034-1

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.296.392.535	58.285.645.896
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	10.294.163.175	6.851.482.820
1. Tiền	111		10.294.163.175	6.851.482.820
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000.000	35.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.a	40.000.000.000	35.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.270.304.487	13.317.727.551
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	9.973.893.672	12.708.712.148
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.a	33.000.000	921.534.230
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	2.589.067.464	1.158.091.871
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3.	(1.325.656.649)	(1.470.610.698)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	2.054.681.898	2.378.164.746
1. Hàng tồn kho	141		2.054.681.898	2.378.164.746
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		677.242.975	738.270.779
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.a	677.242.975	705.644.481
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.b	-	32.626.298
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.231.485.745	94.342.072.443
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.328.224.800	10.463.660.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4.b	11.328.224.800	10.463.660.000
II. Tài sản cố định	220		73.195.482.713	78.383.385.276
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9.	70.945.229.599	76.133.132.162
- Nguyên giá	222		184.787.736.020	181.431.204.202
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113.842.506.421)	(105.298.072.040)
2. TSCĐ vô hình	227	V.10.	2.250.253.114	2.250.253.114
- Nguyên giá	228		2.250.253.114	2.250.253.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8.	639.405.800	615.796.800
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		639.405.800	615.796.800
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.911.872.372	3.315.793.147
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.b	4.320.000.000	4.320.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2.b	(1.408.127.628)	(1.004.206.853)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.156.500.060	1.563.437.220
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.b	1.156.500.060	1.563.437.220
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		153.527.878.280	152.627.718.339

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.021.638.203	5.780.545.663
I. Nợ ngắn hạn	310		5.425.148.203	5.029.510.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	226.963.500	472.204.676
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.811.872	1.814.383
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.a	571.329.332	367.751.908
4. Phải trả người lao động	314		2.921.266.762	2.998.998.448
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15.a	204.545.450	272.727.276
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.a	586.338.711	630.820.228
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		912.892.576	285.193.294
II. Nợ dài hạn	330		596.490.000	751.035.450
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15.b	-	204.545.450
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.14.b	596.490.000	546.490.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.506.240.077	146.847.172.676
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	147.506.240.077	146.847.172.676
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		138.000.000.000	138.000.000.000
1.1 - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		138.000.000.000	138.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.920.452.498	4.714.016.369
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.585.787.579	4.133.156.307
3.1 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		-	4.433.720
3.2 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.585.787.579	4.128.722.587
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		153.527.878.280	152.627.718.339

An Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lâm Ngọc Sương

Nguyễn Văn Cơ

Bùi Thành Hiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG
Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	57.137.746.005	69.635.598.914
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		57.137.746.005	69.635.598.914
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	43.467.120.085	55.586.547.668
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		13.670.625.920	14.049.051.246
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	2.666.378.022	1.616.739.680
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	404.276.119	35.853.560
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	20.911.066
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5.	1.526.140.743	1.532.540.509
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5.	9.041.536.758	8.910.019.174
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		5.365.050.322	5.187.377.683
11. Thu nhập khác	31		6.330.586	37.212.680
12. Chi phí khác	32		2	8.651.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		6.330.584	28.561.680
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.371.380.906	5.215.939.363
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7.	785.593.327	1.087.216.776
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.585.787.579	4.128.722.587
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8.	259	233

An Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lâm Ngọc Sương

Nguyễn Văn Cơ

Bùi Thành Hiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG
Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.371.380.906	5.215.939.363
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		8.544.434.381	8.235.963.386
- Các khoản dự phòng	03		258.966.726	(38.004.372)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		355.344	503.485
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.666.335.092)	(1.588.911.769)
- Chi phí lãi vay	06		-	20.911.066
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.508.802.265	11.846.401.159
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.813.606.835	570.698.410
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		323.482.848	260.624.806
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(418.117.373)	145.201.895
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		435.338.666	(986.603.082)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(23.962.432)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(729.747.238)	(1.185.497.264)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(288.960.896)	(229.390.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.694.405.107	10.397.473.492
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.380.140.818)	(5.238.281.888)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.000.000.000)	(35.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.188.540.570	1.588.911.769
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.191.600.248)	(38.649.370.119)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(613.187.500)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.059.769.160)	(2.676.916.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.059.769.160)	(3.290.103.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		3.443.035.699	(31.542.000.327)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG
Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.851.482.820	38.393.986.632
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(355.344)	(503.485)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	10.294.163.175	6.851.482.820

Người lập biểu



Lâm Ngọc Sương

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Cơ

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Bùi Thành Hiệp

An Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG
Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng An Giang (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa Cảng Mỹ Thới An Giang số 1644/UBND ngày 07/09/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần từ ngày 29/03/2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 1600125108, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp. Công ty hiện nay hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 01 ngày 11/01/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp và thay đổi thông tin về ngành, nghề đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 01 ngày 11/01/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, thì Vốn Điều lệ của Công ty là **138.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi tám tỷ đồng) và địa chỉ trụ sở của Công ty tại: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là CAG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tuyến cho vận tải đường thủy, vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của đại dịch do virus corona ("Covid 19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và đặc biệt tại Việt Nam có quy định cách ly xã hội từ ngày 01/04/2020 đến ngày 22/04/2020 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ, giao thương quốc tế bị hạn chế, trong đó phải kể đến tác động không nhỏ đến các doanh nghiệp ngành hàng hải Việt Nam, kể cả vận tải biển và cảng biển, hoạt động vận tải hàng hóa bằng đường biển gần như tê liệt, cảng biển ngừng hoạt động trong thời gian dài. Đại dịch vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến 6 tháng cuối năm 2020. Theo đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2020 của Công ty bị sụt giảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG
Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Cảng Mỹ Thới	Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Xí nghiệp Cảng Bình Long	Xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
Xí nghiệp Vận Tài Bộ	Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty đều hạch toán báo số.

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG
Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày báo cáo tài chính này.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được đúng hạn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 30
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải	06 - 15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư và mở rộng Dự án Cảng Mỹ Thới, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thăm định giá miền Nam. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa và các chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước cụ thể là số tiền của Công ty CP Thương mại Dầu khí Cửu Long đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản căn cứ theo hợp đồng thuê tài sản số 06/2014/HĐTTS-DKCL ngày 31/12/2014. Việc phân bổ để ghi nhận vào doanh thu được thực hiện như sau: Công ty CP Thương mại Dầu khí Cửu Long thanh toán 2 năm 1 lần, giá trị thanh toán mỗi đợt bằng 24 tháng tiền thuê. Khoản tiền nhận trước này được Công ty phân bổ hàng tháng vào doanh thu.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu dịch vụ bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, lệ phí cảng và dịch vụ lai dắt tàu biển và doanh thu từ bán nhiên liệu động cơ, cung cấp nước ngọt...

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm tiền lãi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với doanh thu dịch vụ bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, lệ phí cảng và dịch vụ lai dắt tàu biển và doanh thu từ bán nhiên liệu động cơ, ...; 5% đối với doanh thu cung cấp nước ngọt và 0% đối với doanh thu dịch vụ xuất khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 căn cứ theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 của Quốc Hội về giảm thuế TNDN phải nộp năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc Hội.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền	10.294.163.175	6.851.482.820
Tiền mặt	373.241.800	388.027.600
VND	373.241.800	388.027.600
Tiền gửi ngân hàng	9.920.921.375	6.463.455.220
VND	9.824.694.505	6.366.609.992
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN An Giang	3.542.993.977	1.275.629.325
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN An Giang	3.926.472.739	2.132.275.614
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.921.672.946	597.238.763
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN An Giang	378.150.258	2.360.465.500
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN An Giang	55.404.585	1.000.790
USD	96.226.870	96.845.228
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN An Giang	96.226.870	96.845.228
Cộng	10.294.163.175	6.851.482.820

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN An Giang (i)	40.000.000.000	40.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN An Giang	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN An Giang	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000

(i) Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN An Giang có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, bằng Đồng Việt Nam, với lãi suất từ 7,10%/năm đến 7,70%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	4.320.000.000	(1.408.127.628)	4.320.000.000	(1.004.206.853)
Cộng	4.320.000.000	(1.408.127.628)	4.320.000.000	(1.004.206.853)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.004.206.853	989.767.844
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm (i)	403.920.775	14.439.009
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số dư cuối năm	1.408.127.628	1.004.206.853

(i) Căn cứ theo báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2020 do Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông lập, trong năm 2020 Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng tổn thất đầu tư với giá trị là 403.920.775 VND.

Thông tin liên quan đến Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông

- Địa chỉ: 60-62, đường 3/2 - Phường Xuân Khánh - Quận Ninh Kiều - Cần Thơ;
- Hoạt động chủ yếu: kinh doanh xăng dầu;
- Tỷ lệ vốn góp: 0,84%;
- Số lượng cổ phần nắm giữ tại ngày 31/12/2020: 432.000 cổ phần.

Giao dịch với Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông:

- Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Nguyễn Đức Diện	1.429.363.672	-	1.867.473.639	-
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Gỗ Hoàng Khải	961.436.300	-	13.596.000	-
Công ty CP Tiếp vận Phước Tạo	717.016.410	-	2.020.879.571	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH MTV Vận Tải Đa Phương Thức Ngộ Đam	1.025.069.911	-	902.476.256	-
Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	743.817.710	-	547.476.025	-
Các đối tượng khác	5.097.189.669	(1.325.656.649)	7.356.810.657	(1.470.610.698)
Cộng	9.973.893.672	(1.325.656.649)	12.708.712.148	(1.470.610.698)

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bà Nguyễn Thị Phú Bình	-	801.322.600
Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh An Giang	-	63.242.200
Công ty CP Quản lý Bảo trì đường Thủy nội địa số 13	-	22.000.000
Các đối tượng khác	33.000.000	34.969.430
Cộng	33.000.000	921.534.230
b) Dài hạn		
Bà Nguyễn Thị Phú Bình	801.322.600	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh An Giang	63.242.200	-
Trường Kỹ thuật Nghiệp vụ - Sở Giao thông Vận tải An Giang	10.000.000.000	10.000.000.000
CN Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	355.000.000	355.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	108.660.000	108.660.000
Cộng	11.328.224.800	10.463.660.000

Các khoản trả trước dài hạn bao gồm khoản ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và khoản trả trước cho nhà thầu xây lắp, để thực hiện dự án đầu tư mở rộng Cảng Mỹ Thới.

5. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Lãi dự thu - tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	2.161.232.877	-	683.438.355	-
- Tạm ứng	148.556.286	-	138.563.406	-
- Ký cược, ký quỹ	8.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	271.278.301	-	336.090.110	-
Cộng	2.589.067.464	-	1.158.091.871	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng				
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH TM và XD Tỳ Hưng	143.656.776	-	143.656.776	-
Công ty CP XNK XD Văn Minh	51.248.722	-	51.248.722	-
Công ty CP Thái Đức Dương	74.272.859	-	74.272.859	-
Công ty TNHH TM-DV Minh Thành	22.606.300	-	22.606.300	-
Công ty TNHH TM-DV Hải Châu	160.933.487	-	160.933.487	-
Công ty CP VTB và TM - KT Trung Hưng	350.160.000	105.048.000	350.160.000	175.080.000
Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ An Hải	181.200.000	-	181.200.000	-
Công ty TNHH Gia Hiện	60.110.000	-	60.110.000	-
Công ty CP TM Dịch vụ Hàng hải Đông Bắc	146.400.000	-	146.400.000	43.920.000
Đỗ Văn Tờ Nhỏ	-	-	449.092.358	134.727.707
Công ty TNHH VTB Kim Ngưu	170.400.000	-	170.400.000	51.120.000
Công ty TNHH Kinh doanh TM Vận tải Đường thủy miền Nam	-	-	30.040.000	9.012.000
CN Công ty CP SX Thương Mại & VTB Viễn Đông tại Đà Nẵng	25.200.000	-	25.200.000	7.560.000
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải TOMMY	89.033.010	44.516.505	89.033.010	62.323.107
Cộng	1.475.221.154	149.564.505	1.954.353.512	483.742.814

(*) Giá trị có thể thu hồi của nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi khoản dự phòng tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	810.134.641	-	807.319.741	-
Công cụ, dụng cụ	1.228.272.236	-	1.563.869.984	-
Hàng hoá	16.275.021	-	6.975.021	-
Cộng	2.054.681.898	-	2.378.164.746	-

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	639.405.800	-	615.796.800	-
- Công trình dự án đầu tư và mở rộng Cảng Mỹ Thới	639.405.800	-	615.796.800	-
Cộng	639.405.800	-	615.796.800	-

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND			Cộng
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2020	83.925.433.728	6.649.059.376	90.856.711.098	181.431.204.202
Mua trong năm	-	-	3.356.531.818	3.356.531.818
Số dư ngày 31/12/2020	83.925.433.728	6.649.059.376	94.213.242.916	184.787.736.020
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2020	47.460.451.837	4.956.594.792	52.881.025.411	105.298.072.040
Khấu hao trong năm	2.519.186.829	413.427.782	5.611.819.770	8.544.434.381
Số dư ngày 31/12/2020	49.979.638.666	5.370.022.574	58.492.845.181	113.842.506.421
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2020	36.464.981.891	1.692.464.584	37.975.685.687	76.133.132.162
Tại ngày 31/12/2020	33.945.795.062	1.279.036.802	35.720.397.735	70.945.229.599

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 19.455.058.115 VND.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND	
	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2020	2.250.253.114	2.250.253.114
Mua trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2020	2.250.253.114	2.250.253.114

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư ngày 01/01/2020	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2020	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2020	2.250.253.114	2.250.253.114
Tại ngày 31/12/2020	2.250.253.114	2.250.253.114

11. Chi phí trả trước

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn	677.242.975	-	705.644.481	-
Sửa chữa thường xuyên	338.318.494	-	384.234.993	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	244.830.263	-	198.149.899	-
Chi phí bảo hiểm	61.671.550	-	49.286.128	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	32.422.668	-	73.973.461	-
b) Dài hạn	1.156.500.060	-	1.563.437.220	-
Chi phí sửa chữa	847.489.390	-	727.949.136	-
Giá trị lợi thế kinh doanh về giá trị thương hiệu	12.830.022	-	64.149.858	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	296.180.648	-	771.338.226	-
Cộng	1.833.743.035	-	2.269.081.701	-

12. Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty CP Thương Mại Dịch vụ Xây dựng Phương Ánh	195.788.500	195.788.500	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thuận Trung	-	-	150.611.000	150.611.000
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải An Phúc	-	-	214.248.676	214.248.676
Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Thương mại Đức Liêm	-	-	66.770.000	66.770.000
Các đối tượng khác	31.175.000	31.175.000	40.575.000	40.575.000
Cộng	226.963.500	226.963.500	472.204.676	472.204.676

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
a) Phải nộp				
Thuế GTGT phải nộp	359.755.917	4.213.623.844	4.030.415.327	542.964.434
Thuế TNDN	-	752.967.029	729.747.238	23.219.791
Thuế TNCN	7.995.991	130.650.206	133.501.090	5.145.107
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.694.988.550	1.694.988.550	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	119.589.914	119.589.914	-
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	367.751.908	6.914.819.543	6.711.242.119	571.329.332
b) Phải thu				
Thuế TNDN	32.626.298	32.626.298	-	-
Cộng	32.626.298	32.626.298	-	-

Các khoản thuế phải thu/phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải thu/phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

14. Phải trả khác

31/12/2020
VND

01/01/2020
VND

a) Ngắn hạn	586.338.711	630.820.228
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.975.240	52.684.400
Các khoản phải trả khác	575.363.471	578.135.828
b) Dài hạn	596.490.000	546.490.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	596.490.000	546.490.000
- Công ty TNHH TCT Hòa Bình Minh - CN Cần Thơ	216.000.000	216.000.000
- Công ty TNHH MTV Thép Thành Ngộ	120.000.000	120.000.000
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Green Sea	109.890.000	109.890.000
- Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Vận tải Phương Linh	75.600.000	75.600.000
- Công ty CP Tập Đoàn UNIS	75.000.000	25.000.000
Cộng	1.182.828.711	1.177.310.228

15. Doanh thu chưa thực hiện

31/12/2020
VND

01/01/2020
VND

a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	204.545.450	272.727.276
Cộng	204.545.450	272.727.276
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	-	204.545.450
Cộng	-	204.545.450

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. Vốn chủ sở hữu

16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2019	138.000.000.000	4.554.660.975	3.187.299.902	145.741.960.877
Lãi trong năm trước	-	-	4.128.722.587	4.128.722.587
Trích quỹ trong năm trước	-	159.355.394	(478.066.182)	(318.710.788)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(2.704.800.000)	(2.704.800.000)
Số dư ngày 31/12/2019	138.000.000.000	4.714.016.369	4.133.156.307	146.847.172.676
Lãi trong năm nay	-	-	4.585.787.579	4.585.787.579
Trích quỹ trong năm nay	-	206.436.129	(1.115.096.307)	(908.660.178)
Chia cổ tức trong năm nay (i)	-	-	(3.018.060.000)	(3.018.060.000)
Số dư ngày 31/12/2020	138.000.000.000	4.920.452.498	4.585.787.579	147.506.240.077

(i) Trong năm, Đại hội đồng cổ đông đã công bố chia cổ tức cho cổ đông Công ty với số tiền là 3.018.060.000 VND (năm 2019: 2.704.800.000 VND) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/06/2020.

16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

31/12/2020
VND

01/01/2020
VND

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	73.116.000.000	73.116.000.000
Các cổ đông khác	64.884.000.000	64.884.000.000
Cộng	138.000.000.000	138.000.000.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Năm 2020
VND

Năm 2019
VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138.000.000.000	138.000.000.000
Vốn góp đầu năm	138.000.000.000	138.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	138.000.000.000	138.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.018.060.000	2.704.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16.4 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.800.000	13.800.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	13.800.000	13.800.000
Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.800.000	13.800.000
Cổ phiếu phổ thông	13.800.000	13.800.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

16.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2020
Quỹ đầu tư phát triển (*)	4.714.016.369	206.436.129	-	4.920.452.498
Cộng	4.714.016.369	206.436.129	-	4.920.452.498

(*) Mục đích trích lập và sử dụng quỹ của Công ty:

- Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/06/2020, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại:**

	31/12/2020	01/01/2020
USD	4.177,42	4.190,62

b) Nợ khó đòi đã xử lý:

	31/12/2020	01/01/2020	Nguyên nhân xóa số
	VND	VND	
Vosa Cần Thơ	35.746.216	35.746.216	Công nợ phát sinh từ trước năm 1992, khách hàng từ chối thanh toán.
Nguyễn Văn Bưởi	4.681.280	4.681.280	Công nợ phát sinh từ năm 1992, không còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.
Công ty Văn Lang	1.677.000	1.677.000	Công nợ phát sinh từ năm 1995, không còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.
Cục hàng hải Việt Nam	6.044.774	6.044.774	Công nợ phát sinh từ năm 1994, không thu hồi được.
Tàu Trần Đề	7.457.000	7.457.000	Công nợ phát sinh từ năm 1996, không còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty Vận tải biển Tài chính	7.207.983	7.207.983	Công nợ phát sinh từ năm 2005, không còn liên hệ được địa chỉ của khách hàng.
Phòng Kinh doanh Xây dựng Hàng hải	2.677.340	2.677.340	Công nợ phát sinh đã lâu, do bộ phận kế toán thay đổi không bàn giao.
Nguyễn Văn Liểu	3.525.388	3.525.388	Đối tượng nợ không có khả năng thanh toán nợ.
Huỳnh Văn Linh	1.000.000	1.000.000	Không tìm được địa chỉ của đối tượng nợ.
Sáu Mẫu	1.915.750	1.915.750	Nợ phát sinh đã lâu không liên hệ được địa chỉ.
Trịnh Thị Hương	13.468.262	13.468.262	Công nợ phát sinh từ năm 2000, không có khả năng thanh toán.
Từ Huân Tước	1.600.000	1.600.000	Không tìm được địa chỉ của đối tượng nợ.
Tô Xuân Thái	1.500.000	1.500.000	Công nợ phát sinh từ năm 2000, không liên hệ được địa chỉ.
Công ty Công trình Giao thông An Giang	3.192.000	3.192.000	Công nợ phát sinh từ năm 2006, đơn vị đã giải thể.
Võ Thắng Lợi	2.281.600	2.281.600	Công nợ phát sinh năm 2006, không còn hồ sơ gốc.
Công ty Nam Hưng	3.422.000	3.422.000	Công nợ phát sinh năm 2003, đối tượng nợ không thanh toán.
Cộng	97.396.593	97.396.593	

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	605.012.035	8.047.816.355
Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.532.733.970	61.587.782.559
Cộng	57.137.746.005	69.635.598.914

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	534.549.689	7.788.734.407
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.932.570.396	47.835.310.753
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(37.497.492)
Cộng	43.467.120.085	55.586.547.668

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.649.575.345	1.588.911.769
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.759.747	27.512.765
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	42.930	315.146
Cộng	2.666.378.022	1.616.739.680

4. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	403.920.775	14.439.009
Chi phí lãi vay	-	20.911.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	355.344	503.485
Cộng	404.276.119	35.853.560

5. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	9.041.536.758	8.910.019.174
Chi phí nhân viên quản lý	4.540.978.536	4.437.654.854
Chi phí vật liệu quản lý	113.407.269	193.600.404
Chi phí đồ dùng văn phòng	168.887.119	89.468.254
Chi phí khấu hao TSCĐ	516.888.682	516.888.768
Thuế, phí và lệ phí	1.832.578.464	1.908.500.620
Chi phí dự phòng	(144.954.049)	(14.945.889)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	690.540.051	531.210.648
Chi phí bằng tiền khác	1.323.210.686	1.247.641.515
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	1.526.140.743	1.532.540.509
Chi phí nhân viên	1.139.780.641	1.081.521.041
Chi phí vật liệu, bao bì	66.471.515	70.408.046
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	38.160.569	16.791.905
Chi phí khấu hao TSCĐ	112.862.059	112.862.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.743.294	103.294.101
Chi phí bằng tiền khác	84.122.665	147.663.268
Cộng	10.567.677.501	10.442.559.683

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.560.526.725	7.594.152.560
Chi phí nhân công	27.890.969.562	26.683.304.521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.544.434.381	8.235.963.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.531.734.226	12.601.567.512
Chi phí bằng tiền khác	5.502.992.313	2.491.941.842
Cộng	54.030.657.207	57.606.929.821

7. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	5.371.380.906	5.215.939.363
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	240.000.000	220.144.518
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	5.611.380.906	5.436.083.881
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.122.276.181	1.087.216.776
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ	336.682.854	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	785.593.327	1.087.216.776

8. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.585.787.579	4.128.722.587
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.008.873.267)	(908.660.178)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	1.008.873.267	908.660.178
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	1.008.873.267	908.660.178
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.576.914.312	3.220.062.409
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.800.000	13.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	259	233

(**)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2019 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/06/2020 của Công ty.

Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2020 được ước tính giả định theo tỷ lệ đã trích cho năm 2019.

(**) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Cụ thể như sau:

	Năm 2019		Số sau điều chỉnh VND
	Số trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.128.722.587	-	4.128.722.587
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(412.872.259)	(495.787.919)	(908.660.178)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	412.872.259	495.787.919	908.660.178
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	412.872.259	495.787.919	908.660.178
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.715.850.328	(495.787.919)	3.220.062.409
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.800.000	-	13.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	269	(36)	233

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi ngân hàng	355.344	503.485

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Công ty mẹ
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>Bán hàng (không bao gồm thuế GTGT)</i>		
Ông Nguyễn Quốc Bảo	86.189.507	86.256.634
<i>Chia cổ tức</i>		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	1.599.046.920	1.433.073.600
c) Số dư với các bên liên quan:	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Ông Nguyễn Quốc Bảo	117.897.500	46.698.000

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền lương, thưởng	1.184.629.979	1.135.235.395
Phụ cấp, thù lao và các khoản khác	372.000.000	370.680.000
Cộng	1.556.629.979	1.505.915.395

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG
 Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh,
 TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Cần Thơ.

An Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu:  Lâm Ngọc Sương

Kế toán trưởng:  Nguyễn Văn Cơ

Tổng Giám đốc:  Bùi Thành Hiệp





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

An Giang, ngày 06 tháng 04 năm 2021

Người đại diện pháp luật 

Tổng Giám đốc



Bùi Thành Hiệp